

PHƯƠNG ÁN

Ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Gia Măng
(Ban hành theo Quyết định số /QĐ- SoNNMT, ngày tháng năm 2025 của
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý

Việc thực hiện Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình thủy lợi hồ chứa nước Gia Măng phải tuân thủ theo:

- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 06 năm 2013;
- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 06 năm 2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Khí tượng thủy văn ngày 15 tháng 07 năm 2020;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 06 năm 2023;
- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 07 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;
- Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 04 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;
- Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản

lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

16. Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

17. Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

18. Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT;

19. Thông tư số 13/2023/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn

20. đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

21. Quyết định số 60/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

22. Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 09 tháng 09 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tổ chức lại Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn tỉnh thành Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh;

23. Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 16 tháng 06 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt kết quả thực hiện xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du hồ Gia Mỹ, huyện Xuân Lộc.

24. Các tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật

a) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04-05:2022/BNNPTNT: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế.

b) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2019/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

c) Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13615:2022: Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế.

d) Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9147:2012: Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực đập tràn.

đ) Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11699:2023: Công trình thủy lợi - Đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước.

e) Tiêu chuẩn kỹ thuật TCKT 03:2015/TCTL: Công trình thủy lợi - Hướng dẫn xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa nước trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập.

g) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan khác.

Điều 2. Khái quát về chủ sở hữu và tổ chức khai thác hồ chứa

1. Về chủ sở hữu hồ chứa

a) Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Văn Trị, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251) 3847292. Website: <http://www.dongnai.gov.vn>.

b) Cơ quan chủ quản: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Số 518-520, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251) 3822970. Website: <http://sonongnghiep.dongnai.gov.vn>.

2. Tổ chức quản lý, khai thác hồ chứa: Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai. Địa chỉ: Số 126, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: (0251) 6297663. Website: <http://www.thuyloidongnai.vn>.

Điều 3. Khái quát về hồ chứa

1. Tên công trình: Hồ chứa nước Gia Măng.

2. Loại và công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thủy lợi hồ chứa nước. Công trình cấp III.

3. Đơn vị quản lý, khai thác công trình: Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai.

4. Nhiệm vụ của công trình: Cấp nước phục vụ nông nghiệp theo nhiệm vụ thiết kế cụ thể: Cung cấp nước tưới cho 590 ha cây công nghiệp, cây ăn trái và cây nông nghiệp (lúa + hoa màu) thuộc 3 xã Xuân Đông, Xuân Phú, Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Kết hợp cắt giảm lũ cho hạ lưu, giao thông nông thôn, nuôi trồng thủy sản và tạo cảnh quan du lịch. An toàn công trình theo chỉ tiêu phòng chống lũ với tần suất lũ thiết kế $P=1,5\%$ tương ứng với mực nước dâng gia cường (MNDGC) là +122,80m và tần suất lũ kiểm tra $P=0,50\%$ tương ứng mực nước lũ kiểm tra là +123,05m.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Xuân Lộc và xã Xuân Hòa, tỉnh Đồng Nai.

6. Thời điểm xây dựng và đưa hồ chứa vào khai thác sử dụng: Công trình được khởi công xây dựng năm 2015 và hoàn thành đưa vào khai thác năm 2019.

7. Thông số kỹ thuật:

Bảng 1-1: Thông số kỹ thuật hồ chứa nước Gia Măng

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
1	Tiêu chuẩn thiết kế		
	Tần suất lũ thiết kế	%	1,5
	Tần suất lũ kiểm tra	%	0,5
2	Hồ chứa		
	Điều tiết		Năm
	Diện tích lưu vực	km ²	12
	Mực nước chết	m	+116,90
	Mực nước dâng bình thường MNDBT	m	+121,75
	Mực nước lũ thiết kế MNDGC $P = 1,50\%$	m	+122,80
	Mực nước lũ kiểm tra MNLKT $P = 0,50\%$	m	+123,05
	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	3,55
	Dung tích hồ ứng với MNC	10 ⁶ m ³	0,46

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
	Dung tích hồ ứng với MNDBT	10^6m^3	4,01
	Dung tích hồ ứng với MNDGC P = 1,50%	10^6m^3	5,53
3	Đập chính		
	Kết cấu đập		Đập đất đồng chất
	Cao trình đỉnh đập	m	+124,50
	Cao trình đỉnh tường chắn bánh	m	+124,80
	Chiều rộng đỉnh đập	m	6
	Chiều cao đập lớn nhất	m	14,50
	Chiều dài đập	m	975
	Hệ số mái thượng lưu		2,75 : 3,25
	Hệ số mái hạ lưu		2,5 : 3,0
	Kết cấu tiêu nước		Lăng trụ
4	Tràn xả lũ		
	Vị trí		Bên trái đập
	Hình thức kết cấu		BTCT M200
	Lưu lượng xả với P=1,5%	m^3/s	9,92
	Lưu lượng xả với P=0,5%	m^3/s	13,80
	Hình thức tràn		Đỉnh rộng tiêu năng đáy
	Cao trình ngưỡng tràn	m	121,75
	Chiều rộng tràn nước	m	6
	Chiều dài dốc nước	m	233,40
	Chiều rộng dốc nước	m	4
5	Cống lấy nước		
	Vị trí		Bên phải đập
	Lưu lượng xả	m^3/s	0,55
	Cao trình ngưỡng cửa vào	m	+116,10
	Độ dốc thân cống	%	1
	Chiều dài thân cống	m	57
	Chế độ chảy trong cống		Bán áp
	Khẩu diện cống (bxh)	m	0,8x1,0
	Hình thức kết cấu		BTCT M200
6	Cống xả cạn		
	Vị trí		Bên trái cửa ra sau bể tiêu năng cống
	Lưu lượng xả	m^3/s	2,2
	Hình thức kết cấu		BTCT M200
	Kích thước cống bxxhxl	m	3x1,5x6

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
	Chiều dài kênh dẫn	m	289
	Chiều rộng kênh dẫn	m	3

Chương II

KỊCH BẢN ỨNG PHÓ VỚI TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP HOẶC VỠ ĐẬP VÀ VẬN HÀNH HỒ CHỨA

Điều 4. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi mực nước hồ đang giữ ở cao trình MNDBT = +121,75m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ dâng lên nhanh, nước qua tràn chảy tự do (tràn không có cửa van). Do mưa to kéo dài, mực nước hồ tiếp tục dâng cao và đạt đến MNDGC = +122,80m. Các bộ phận của đập không có dấu hiệu bất thường, không phát hiện thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ thiết kế, Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai thông báo nội bộ và báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các xã liên quan.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, đề chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo suối hạ lưu hồ Gia Măng từ 2,87m đến 10,59m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 1076,46 ha thuộc địa phận các xã Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Phú, Xuân Đông và Sông Ray.

b) Độ sâu ngập lụt, diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.1, PL2.6 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Gia Măng được phê duyệt tại Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, khi mực nước đạt MNDGC vận hành xả lũ thiết kế.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số nhà, số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 1966 ngôi nhà và khoảng 5560 hộ dân bị ngập, xem chi tiết tại Bảng PL 2.11 của Phụ lục 2.

b) Hướng di chuyển, nơi di chuyển đến, phương tiện di chuyển của các xã Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Phú, Xuân Đông, Sông Ray cụ thể tại Bảng PL3.1 và Hình PL3.1 của Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 5. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi hồ đang xả lũ ở cao trình MNDGC = +122,80m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ tiếp tục dâng lên nhanh đạt đến MNLKT = +123,05m. Các bộ phận của đập không có dấu hiệu bất thường, không phát hiện thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ kiểm tra, Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai có thể giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai với mức báo động cấp 1.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo suối hạ lưu hồ Gia Măng từ 2,91m đến 11,22m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 1325,79 ha thuộc địa phận các xã Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Phú, Xuân Đông, Sông Ray.

b) Độ sâu ngập lụt, diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.2, PL2.7 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Gia Măng được phê duyệt tại Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, khi mực nước đạt MNLKT vận hành xả lũ kiểm tra.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số nhà, số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 2680 ngôi nhà và khoảng 7984 hộ dân bị ngập, xem chi tiết tại Bảng PL 2.12 của Phụ lục 2.

b) Hướng di chuyển, nơi di chuyển đến, phương tiện di chuyển của các xã Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Phú, Xuân Đông, Sông Ray cụ thể tại Bảng PL3.2 và Hình PL3.2 của Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 6. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập ngày nắng

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi mực nước hồ đang giữ ở cao trình MNDBT = +121,75m hoặc thấp hơn, ở thượng nguồn không có mưa, mực nước hồ không dâng lên nhưng các bộ phận của đập có một trong các dấu hiệu bất thường như sau:

- Thấm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập

v.v.. gây sụt lún dẫn đến nguy cơ vỡ đập; hiện tượng này có thể xảy ra ngay khi trên hồ không có lũ cũng như không có động đất hoặc bị phá hoại.

- Mái đập bị trượt do một số nguyên nhân như đường bão hòa dâng cao, mực nước hồ rút nhanh, do động đất, do bị phá hoại ... làm cho mặt cắt đập mất ổn định, xuất hiện dòng thấm, các vết nứt dẫn đến nguy cơ nước tràn gây vỡ đập.

- Đập bị nứt, bị lún do động đất, bị phá hoại đỉnh đập hạ thấp làm nước trong hồ thâm nhập vào các vết nứt hoặc tràn qua chỗ lún sụt gây vỡ đập.

Trong trường hợp này Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai với mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ đồng thời điều tra nguyên nhân, đưa ra giải pháp, tiến hành sửa chữa.

Sau khi đã tiến hành các hoạt động khắc phục nhưng hiệu quả ít, các dấu hiệu bất thường của các bộ phận của đập tiếp tục tăng nhiều, Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng, chuẩn bị di tản.

Mặc dù tiếp tục cấp cứu nhưng nguy cơ vỡ đập là không tránh khỏi, đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng 6 giờ tới, gây ra lũ lụt ở khu vực hạ lưu. Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 4, tổ chức di tản.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình, mưa lũ để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh và di tản khi có yêu cầu.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo suối hạ lưu hồ Gia Măng từ 3,88m đến 7,12m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 346,22 ha thuộc các xã Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Phú, Xuân Đông.

b) Độ sâu ngập lụt, diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.3, PL2.8 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa.

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Gia Măng được phê duyệt tại Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số nhà, số hộ bị ngập lụt: Có khoảng 426 ngôi nhà và khoảng 1152 hộ dân bị ngập, xem chi tiết tại Bảng PL2.13 của Phụ lục 2.

b) Hướng di chuyển, nơi di chuyển đến, phương tiện di chuyển của các xã Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Phú, Xuân Đông cụ thể tại Bảng PL3.3 và Hình PL3.3 của Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 7. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ thiết kế tần suất 1,5%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi hồ đang xả lũ ở cao trình MNDBT = +121,75m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ tiếp tục dâng lên nhanh đạt đến MNDGC = +122,80m. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ thiết kế, các bộ phận của đập có một trong các dấu hiệu bất thường như sau:

- Thâm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập v.v.. gây sụt lún dẫn đến nguy cơ vỡ đập; hiện tượng này có thể xảy ra ngay khi trên hồ không có lũ cũng như không có hợp động đất hoặc bị phá hoại.

- Mái đập bị trượt do một số nguyên nhân như đường bão hòa dâng cao, mực nước hồ rút nhanh, do động đất, do bị phá hoại ... làm cho mặt cắt đập mất ổn định, xuất hiện dòng thấm, các vết nứt dẫn đến nguy cơ nước tràn gây vỡ đập.

- Đập bị nứt, bị lún do động đất, bị phá hoại đỉnh đập hạ thấp làm nước trong hồ thâm nhập vào các vết nứt hoặc tràn qua chỗ lún sụt gây vỡ đập.

Trong trường hợp này Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai với mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ đồng thời điều tra nguyên nhân, đưa ra giải pháp, tiến hành sửa chữa.

Sau khi đã tiến hành các hoạt động khắc phục nhưng hiệu quả ít các dấu hiệu bất thường của các bộ phận của đập tiếp tục tăng nhiều. Trường hợp này Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng, chuẩn bị di tản.

Mặc dù tiếp tục cấp cứu nhưng nguy cơ vỡ đập là không tránh khỏi, đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng 6 giờ tới, lũ lụt sẽ xảy ra ở khu vực hạ lưu. Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 4, tổ chức di tản.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình, mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh và di tản khi có yêu cầu.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo suối hạ lưu hồ Gia Măng từ 6,03m đến 11,03m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 1821,97 ha. Diện tích ngập nhiều nhất thuộc xã Xuân Phú (570,27 ha), xã Xuân Lộc (365,21 ha), xã Xuân Đông (362,40 ha), xã Sông Ray (267,76 ha), xã Xuân Hòa (256,33 ha).

b) Độ sâu ngập lụt, diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.4, PL2.9 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Gia Măng được phê duyệt tại

Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, khi mực nước đạt MNDGC vận hành xả lũ thiết kế.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số nhà, số hộ bị ngập lụt: có khoảng 3874 ngôi nhà và khoảng 11632 hộ dân bị ngập, xem chi tiết tại Bảng PL2.14 của Phụ lục 2.

b) Hướng di chuyển, nơi di chuyển đến, phương tiện di chuyển của các xã Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Phú, Xuân Đông, Sông Ray cụ thể tại Bảng PL3.4 và Hình PL3.4 của Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư. Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 8. Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập khi có lũ kiểm tra tần suất 0,5%

1. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn công trình đầu mối

Khi hồ đang xả lũ ở cao trình MNDGC = +122,80m, ở thượng nguồn có mưa to hoặc rất to, mực nước hồ tiếp tục dâng lên nhanh đạt đến cao trình MNLKT = +123,05m. Trong trường hợp này hồ đang xả lũ kiểm tra, các bộ phận của đập có một trong các dấu hiệu bất thường như sau:

- Thẩm tập trung qua thân hoặc nền hoặc vai đập, qua mang và nền cống, tràn, hoặc qua các vết nứt ngang hoặc hệ thống các mạch rò rỉ tiềm tàng trong thân đập v.v.. gây sụt lún dẫn đến nguy cơ vỡ đập; hiện tượng này có thể xảy ra ngay khi trên hồ không có lũ cũng như không có hợp động đất hoặc bị phá hoại.

- Mái đập bị trượt do một số nguyên nhân như đường bão hòa dâng cao, mực nước hồ rút nhanh, do động đất, do bị phá hoại... làm cho mặt cắt đập mất ổn định, xuất hiện dòng thấm, các vết nứt dẫn đến nguy cơ nước tràn gây vỡ đập.

- Đập bị nứt, bị lún do động đất, bị phá hoại đỉnh đập hạ thấp làm nước trong hồ thâm nhập vào các vết nứt hoặc tràn qua chỗ lún sụt gây vỡ đập.

Trong trường hợp này Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai giải quyết bằng cách thông báo nội bộ và thông báo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai với mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ đồng thời điều tra nguyên nhân, đưa ra giải pháp, tiến hành sửa chữa.

Sau khi đã tiến hành các hoạt động khắc phục nhưng hiệu quả ít các dấu hiệu bất thường của các bộ phận của đập tiếp tục tăng nhiều, Trường hợp này Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai thông báo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng, chuẩn bị di tản.

Mặc dù tiếp tục cấp cứu nhưng nguy cơ vỡ đập là không tránh khỏi, đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng vài giờ tới hay là trong vài ngày tới, lũ lụt sẽ xảy ra ở khu vực hạ lưu. Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai Thông báo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 4, tổ chức di tản.

2. Kế hoạch ứng phó và biện pháp đảm bảo an toàn vùng hạ du

Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai thông tin theo các mức báo

động cho các địa phương vùng hạ du biết về tình hình công trình và mưa lũ, để chủ động đề phòng, triển khai các phương án phòng tránh và di tản khi có yêu cầu.

3. Phạm vi ngập lụt vùng hạ du

a) Độ sâu ngập lụt lớn nhất tại 1 số vị trí dọc theo suối hạ lưu hồ Gia Măng từ 6,24 m đến 11,39 m; tổng diện tích ảnh hưởng ngập lụt là 2043,40 ha. Diện tích ngập nhiều nhất thuộc xã Xuân Phú (607,99 ha), xã Xuân Đông (489,92 ha), xã Xuân Lộc (376,66 ha), xã Sông Ray (285,54 ha), xã Xuân Hòa (283,29 ha).

b) Độ sâu ngập lụt, diện tích ngập lụt theo từng cấp độ sâu chi tiết tại Bảng PL2.5, PL2.10 của Phụ lục 2.

4. Công tác vận hành hồ chứa

Vận hành theo quy trình vận hành hồ chứa nước Gia Măng được phê duyệt tại Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, khi mực nước đạt MNLKT vận hành xả lũ kiểm tra.

5. Thống kê các đối tượng, mức độ bị ảnh hưởng

a) Số nhà, số hộ bị ngập lụt: có khoảng 4791 ngôi nhà và khoảng 14268 hộ dân bị ngập, xem chi tiết tại Bảng PL2.15 của Phụ lục 2.

b) Hướng di chuyển, nơi di chuyển đến, phương tiện di chuyển của các xã Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Phú, Xuân Đông, Sông Ray cụ thể tại Bảng PL3.5 và Hình PL3.5 của Phụ lục 3.

6. Phương án huy động nhân lực, phương tiện, máy móc ,thiết bị, vật tư: Chi tiết tại Phụ lục 4.

Điều 9. Danh bạ điện thoại và các hình thức liên lạc khác giữa chủ sở hữu hồ chứa; tổ chức khai thác hồ chứa; chính quyền và các cơ quan chức năng của địa phương; các cơ quan khác có liên quan đến vận hành an toàn hồ chứa

1. Danh bạ điện thoại liên lạc khẩn cấp bao gồm tất cả các tổ chức tham gia vào Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp, thuộc mỗi cơ quan, tổ chức hoặc văn phòng của đơn vị giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp. Chủ tịch hoặc trưởng đại diện của tổ chức, cơ quan và văn phòng của người giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp, phân công cán bộ hành động sẵn sàng cho các trường hợp khẩn cấp khác nhau đảm bảo liên lạc nhanh trong các trường hợp khẩn cấp.

2. Các cơ quan, tổ chức hoặc văn phòng giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp chịu trách nhiệm về chuẩn bị danh bạ điện thoại liên lạc khẩn cấp cho tổ chức, cơ quan hoặc văn phòng nơi làm việc.

3. Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai chịu trách nhiệm thu thập thông tin liên lạc và tổng hợp vào danh bạ điện thoại liên lạc khẩn cấp của cơ quan, tổ chức hoặc văn phòng giữ Kế hoạch sẵn sàng trong tình huống khẩn cấp.

Bảng 2-1: Danh bạ điện thoại các tổ chức nắm giữ kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp

STT	Các tổ chức nắm giữ Kế hoạch chuẩn bị trong tình huống khẩn cấp	Số điện thoại
I	Cơ quan cấp tỉnh Đồng Nai	
1	Ủy ban nhân dân tỉnh	(0251) 382 2501
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	(0251) 382 2970
3	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	(0251) 382 2967
4	Công an tỉnh	(0251) 389 9909
5	Đài khí tượng thủy văn tỉnh	(0251) 382 2963
6	Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh	(0251) 394 2427
II	Cơ quan cấp xã	
7	Ủy ban nhân dân xã Xuân Lộc	(0251) 387 1115
8	Ủy ban nhân dân xã Xuân Hòa	(0251) 375 0113
9	Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú	(0251) 387 1188
10	Ủy ban nhân dân xã Xuân Đông	(0251) 371 3054
11	Ủy ban nhân dân xã Sông Ray	(0251) 371 2671
III	Đơn vị khác	
12	Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai	(0251) 629 7663
13	Chi nhánh Xuân Lộc	0868 019 187

Điều 10. Quy định phương thức thông tin, cảnh báo, báo động

1. Mức độ khẩn cấp được phân loại tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8 và được Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai căn cứ vào giám sát hiện trường, theo dõi khí tượng thủy văn để xác định được mức độ khẩn cấp, từ đó đưa ra được các hành động ứng phó phù hợp với các mức khẩn cấp từ 1 đến 4.

2. Mức độ khẩn cấp được phân loại theo tính nghiêm trọng và cấp bách. Hệ thống phân loại khẩn cấp là một phương tiện để phân loại các sự kiện khẩn cấp theo thời gian khác nhau xảy ra và với những mức độ khác nhau về sự nghiêm trọng. Hệ thống phân loại cho thấy tính cấp bách của điều kiện khẩn cấp, gồm 4 cấp độ khẩn cấp như sau:

a) Báo động cấp 1 (Đề phòng): Là khi không có nguy hiểm về một sự cố đập, lũ xảy ra chưa ảnh hưởng khu vực hạ lưu. Trường hợp này, đơn vị quản lý vận hành hồ chứa nước Gia Măng có thể giải quyết một cách nội bộ và công bố báo động cấp 1 cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tại hồ chứa nước Gia Măng và tỉnh Đồng Nai.

b) Báo động cấp 2 (Sẵn sàng): Tình trạng báo động cấp 1 tiếp tục phát triển, tốc

độ phát triển nhanh. Nó xảy ra chỉ khi vẫn còn thời gian để phân tích, các quyết định được đưa ra thêm nhằm khắc phục sự cố. Trường hợp này, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai tại hồ chứa nước Gia Măng thông báo cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 2 và xin hỗ trợ.

c) Báo động cấp 3 (Hành động khẩn cấp): Tình trạng báo động 2 tiếp tục phát triển, đó là khi "Ít thời gian" để phân tích, quyết định nhằm giảm thiểu trước khi hạ lưu đập bị ảnh hưởng. Đập bị đe dọa nghiêm trọng. Điều kiện này được công bố khi vẫn còn thời gian để cố gắng ngăn chặn sự cố xảy ra bằng các biện pháp khắc phục. Trường hợp này thông báo cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 3, xin hỗ trợ thêm lực lượng. Chuẩn bị di tản.

d) Báo động cấp 4 (Vỡ đập hoặc lũ lớn và sơ tán): Lũ thiết kế đang xảy ra, hoặc đập sẽ xảy ra vỡ trong vòng vài giờ tới hay là trong vài ngày tới. Đó là khi "hết thời gian" để phân tích. Lũ lụt sẽ xảy ra ở khu vực hạ lưu. Thông báo cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai để quyết định mức báo động cấp 4. Tổ chức di tản.

3. Khi có báo động Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai phải thông báo cho các tổ chức cá nhân ứng với mỗi cấp độ báo động được mô tả như bảng Bảng 2-2.

Bảng 2-2: Danh sách được thông báo ứng với mỗi cấp độ báo động

STT	Các tổ chức được thông báo	Cấp báo động			
		1	2	3	4
I	Cơ quan cấp tỉnh				
1	Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự		+	+	+
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	+	+	+	+
3	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh			+	+
4	Công an tỉnh			+	+
5	Đài khí tượng thủy văn tỉnh	+	+	+	+
II	Cơ quan cấp xã				
6	Ủy ban nhân dân xã Xuân Lộc, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã		+	+	+
7	Ủy ban nhân dân xã Xuân Hòa, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã		+	+	+
8	Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã		+	+	+
9	Ủy ban nhân dân xã Xuân Đông, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã		+	+	+
10	Ủy ban nhân dân xã Sông Ray, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã		+	+	+

a) Đối với cấp báo động 1: Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 1 (đề phòng) tại Sơ đồ 5.1 của Phụ lục 5.

b) Đối với cấp báo động 2: Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 2 (sẵn sàng) tại Sơ đồ 5.2 của Phụ lục 5.

c) Đối với cấp báo động 3: Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 3 (hành động khẩn cấp) tại Sơ đồ 5.3 của Phụ lục 5.

d) Đối với cấp báo động 4: Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai phải thực hiện thông báo theo sơ đồ báo cáo đối với mức báo động cấp 4 (vỡ đập hoặc lũ lớn và phương án di tản) tại Sơ đồ 5.4 của Phụ lục 5.

4. Phương tiện thông báo: Điện thoại, vô tuyến điện, đài phát thanh, truyền hình, thư, email, còi, loa, keng v.v .. sao cho phù hợp với tình hình hiện tại của khu vực nhiên cứu và có sự thống nhất với địa phương.

5. Thời gian thông tin, cảnh báo sớm, báo động đến chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về thủy lợi, phòng chống thiên tai và người dân khu vực bị ảnh hưởng ứng với từng cấp báo động để triển khai công tác ứng phó tuân thủ theo các Điều 14, 15 và 16 của Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai. Cụ thể như sau:

a) Đối với cấp báo động 1: Ban hành mỗi ngày 02 bản tin cảnh báo vào lúc 9 giờ 00 và 15 giờ 30.

b) Đối với cấp báo động 2, 3, 4: Ban hành tin cảnh báo ngay sau khi mức báo động cấp 2, 3, 4 được Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh quyết định; tin cảnh báo có thể được ban hành độc lập hoặc lồng ghép vào tin cảnh báo lũ, tin lũ, tin lũ khẩn cấp.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ, TỔ CHỨC KHAI THÁC HỒ CHỨA, CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 11. Trách nhiệm của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai

1. Chỉ đạo, điều hành công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa nước Gia Măng.

2. Ra quyết định về tình trạng khẩn cấp ứng với các mức báo động theo tình hình thực tế.

3. Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư để ứng cứu theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện sơ tán dân và bảo đảm an toàn vùng hạ du.

5. Chỉ đạo cơ quan Thường trực của Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức tiếp nhận thông tin và hướng dẫn Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai trong ứng phó với tình huống khẩn cấp

hồ chứa nước Gia Măng.

6. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp trên khi sự cố vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

Điều 12. Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai

1. Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, phương tiện, kinh phí theo trách nhiệm của đơn vị để triển khai thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Gia Măng.

2. Thường xuyên tổ chức kiểm tra đánh giá hiện trạng công trình, các hạng mục công trình; kịp thời sửa chữa các hạng mục công trình bị hư hỏng; thường xuyên duy tu, bảo dưỡng công trình theo các quy trình hiện hành.

3. Bố trí cơ sở làm việc cho Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự ở vị trí thuận tiện tại công trình để điều hành chỉ huy trong tình huống khẩn cấp.

4. Phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Đồng Nai thực hiện công tác dự báo thủy văn cho công trình.

5. Trong tình huống khẩn cấp, vận hành công trình theo quy định và kịp thời bố trí lực lượng của đơn vị cùng tham gia ứng phó, hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại cho công trình và vùng hạ du đập.

6. Theo dõi và đánh giá diễn biến tình hình tại công trình. Trong trường hợp có sự cố đe dọa, phải kịp thời đánh giá mức độ nguy hiểm. Trường hợp sự cố xảy ra, báo cáo Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đồng Nai để chuyển trạng thái vận hành, từ vận hành bình thường sang vận hành khẩn cấp.

7. Lập các báo cáo về tình huống khẩn cấp.

8. Phối hợp với các lực lượng tại địa phương nhanh chóng giúp đỡ cư dân ở ngay hạ lưu đập sơ tán khẩn cấp theo các kịch bản trong trường hợp lũ lớn hoặc và vỡ đập sắp xảy ra.

Điều 13. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Gia Măng. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc đơn vị thực hiện các quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước đối với hồ chứa nước Gia Măng theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/09/2018 của Chính phủ.

2. Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Gia Măng theo thẩm quyền.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở ngành, đơn vị công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Gia Măng lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Sau khi sự cố xảy ra tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng môi trường, xác định khu vực bị ô nhiễm để có biện pháp khắc phục, phục hồi môi trường, chất lượng nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

4. Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam bộ và Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Đồng Nai thực hiện các quy định về quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai kịp thời ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Gia Măng.

Điều 14. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh chỉ huy, điều động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, điều hành phối hợp hoạt động của các lực lượng vũ trang và các đơn vị chuyên trách, bán chuyên trách tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh trong quá trình ứng phó, xử lý sự cố công trình.

Điều 15. Công an tỉnh

Chi viện lực lượng công an theo yêu cầu của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh. Chỉ huy lực lượng công an đảm bảo an ninh, trật tự tại khu vực ứng phó, xảy ra sự cố công trình; phân luồng, phân tuyến giao thông khi xảy ra ngập lụt gây ách tắc giao thông; phối hợp lực lượng quân đội thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn.

Điều 16. Sở Xây dựng

1. Trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân các xã về các công trình thuộc khu vực sử dụng làm nơi tránh, trú, Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra hoặc hướng dẫn cho Ủy ban nhân dân các xã kiểm tra theo thẩm quyền về tính an toàn cho công trình trước và sau khi xảy ra các tình huống khẩn cấp để kịp thời có giải pháp đảm bảo an toàn cho công trình và người dân khi tránh, trú.

2. Phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan trong công tác ứng phó tình huống khẩn cấp.

3. Tổ chức kiểm tra các tuyến đường di tản theo phương án ứng phó, trước và sau khi xảy ra các tình huống khẩn cấp kịp thời duy tu, sửa chữa để phục vụ di tản người dân, tài sản đến nơi an toàn.

4. Chỉ huy việc huy động các lực lượng, phương tiện giao thông vận tải đường thủy, đường bộ trong công tác tham gia cứu hộ, cứu nạn, di dời khi xảy ra sự cố công trình.

5. Phối hợp Công an tỉnh chỉ huy phân luồng, phân tuyến, điều tiết giao thông khi xảy ra ách tắc giao thông phục vụ công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Gia Măng.

Điều 17. Sở Công thương

1. Tham mưu chỉ đạo Công ty Điện lực Đồng Nai đảm bảo cấp điện thực hiện ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Gia Măng.

2. Phối hợp với địa phương và đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát việc điều tiết nhiên liệu, hàng hóa, lương thực, thực phẩm thiết yếu để cung ứng, phục vụ công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Gia Măng.

Điều 18. Sở Y tế

Chỉ đạo hệ thống bệnh viện, cơ sở y tế tổ chức lực lượng, phương tiện, thiết bị y tế, chuẩn bị đầy đủ cơ sở thuốc và dụng cụ y tế để cấp cứu và cứu trợ khẩn cấp những khu vực ứng phó với tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Gia Măng, phòng ngừa dịch bệnh, khắc phục hậu quả sau sự cố.

Tổ chức thực hiện công tác cứu trợ, khắc phục hậu quả cho người dân, đề xuất giải quyết các vấn đề chính sách xã hội ở các địa phương bị ảnh hưởng do sự cố

công trình gây ra.

Điều 19. Sở Giáo dục Đào tạo

Tổ chức điều hành ứng phó với tình huống khẩn cấp, sự cố ảnh hưởng đến trường học; tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho học sinh, sinh viên những kiến thức cơ bản về phòng, tránh, ứng phó tình huống khẩn cấp nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh. Tổ chức cho học sinh tại khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng nghỉ học, khi có lệnh báo động.

Điều 20. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

1. Chủ trì công tác vận động nhân dân đóng góp cứu trợ: Hàng hóa, tiền, lương thực, thực phẩm, nước uống..., để kịp thời hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả do sự cố công trình gây ra.

2. Phối hợp huy động lực lượng tham gia ứng phó tình huống khẩn cấp công trình hồ chứa nước Gia Măng.

Điều 21. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh

Thông báo thường xuyên, kịp thời về tình hình khí tượng thủy văn nguy hiểm và khi xảy ra tình huống khẩn cấp tại công trình hồ chứa nước Gia Măng cho các thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, các địa phương liên quan.

Điều 22. Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai

Chủ trì đảm bảo an toàn mạng lưới điện, nguồn điện, trạm biến áp, khắc phục sự cố đảm bảo nguồn điện cung cấp đầy đủ, ưu tiên cho các cơ quan chỉ đạo, chỉ huy, dự báo, cảnh báo, ứng phó với tình huống khẩn cấp; hướng dẫn người dân sử dụng điện an toàn khi xảy ra sự cố công trình.

Điều 23. Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh

Khi nhận được thông báo lệnh sơ tán, lệnh báo động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các xã, Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai, Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh Đồng Nai phát đi thông tin cảnh báo, báo động, sơ tán cho người dân ở hạ lưu đập biết để chuẩn bị sẵn sàng sơ tán.

Điều 24. Ủy ban nhân dân các xã Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Phú, Xuân Đông, Sông Ray

1. Tổ chức lực lượng cứu hộ, cứu nạn và các phương tiện vận tải để hỗ trợ người dân trong quá trình sơ tán khi xảy ra mức báo động 3 hoặc 4.

2. Thông báo, bố trí nhân lực và hướng dẫn người dân ở khu vực hạ lưu sơ tán đến nơi an toàn khi Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh công bố đến nơi an toàn, mức báo động 3 và 4.

3. Chủ động chuẩn bị công tác hậu cần để sẵn sàng ứng phó với tình huống khẩn cấp, phối hợp thực hiện công tác đảm bảo an toàn cho đập.

4. Rà soát các công trình thuộc khu vực sử dụng làm nơi tránh, trú để chủ động kiểm tra hoặc đề xuất Sở Xây dựng tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền nhằm đảm bảo an toàn cho công trình và người dân khi tránh, trú trước và sau khi xảy ra các tình huống khẩn cấp.

5. Thống kê tình hình thiệt hại, tổng hợp và báo cáo nhanh về Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh.

6. Huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ giúp đỡ người dân nhanh chóng khắc phục thiệt hại về tài sản, sản xuất nông nghiệp; phối hợp khắc phục, sửa chữa các công trình hạ tầng, nhà cửa, đường xá..., đặc biệt là công trình thủy lợi bị hư hỏng để đưa vào vận hành phục vụ sản xuất.

Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày tháng năm 2026 của
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai)

Chương I

KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA HÌNH, KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN (LƯỢNG MƯA, MÙA MƯA, LƯU LƯỢNG LŨ LỚN NHẤT...), THẨM THỰC VẬT LƯU VỰC HỒ CHỨA THEO THIẾT KẾ; CÁC HÌNH THÁI THIÊN TAI CÓ THỂ XẢY RA TRONG LƯU VỰC HỒ CHỨA

1. Đặc điểm địa hình

Lưu vực suối Gia Măng có diện tích 12 km², thuộc cao nguyên Xuân Lộc có độ cao bình quân 200 m, dạng địa hình đồi núi thấp, riêng phía Bắc, một phần sườn núi Chứa Chan có độ cao khá cao, địa hình dốc. Hướng dốc chính địa hình theo Đông Bắc - Tây Nam, độ dốc trung bình lưu vực đến 3,51%. Bề mặt lưu vực không có rừng tự nhiên, được phủ bởi rừng trồng và diện tích cây trồng nhiều chủng loại. Địa hình thung lũng suối Gia Măng mở rộng phía thượng lưu, thắt lại ở vị trí dự kiến xây dựng tuyến đập, tạo điều kiện rất thuận lợi hình thành hồ chứa nước.

2. Khí tượng thủy văn (lượng mưa, mùa mưa, lưu lượng lũ lớn nhất ...)

a) Đặc điểm khí hậu

Lưu vực hồ Gia Măng mang đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa: Nóng ẩm và mưa nhiều, hàng năm khí hậu phân hóa thành 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô.

- Mùa mưa từ tháng V đến tháng X: Ảnh hưởng chủ yếu là gió mùa Tây Nam mang nhiều hơi ẩm gây ra mưa nhiều. Lượng mưa mùa này chiếm tỷ lệ 85 - 90% lượng mưa cả năm. Đây cũng là thời kỳ có những đợt mưa lớn do hoạt động của các dải hội tụ nhiệt đới, các vùng khí áp thấp và ảnh hưởng của bão Biển Đông.

- Mùa khô từ tháng XI đến tháng IV năm sau: Chịu sự chi phối của gió mùa Mùa Đông khô, hanh. Lượng mưa trong mùa này chỉ chiếm 10 - 15% lượng mưa cả năm. Thời tiết trong mùa này chủ yếu là nắng nóng, nhất là các tháng cuối mùa (tháng III, IV).

b) Mưa năm trên lưu vực

Lượng mưa bình quân lưu vực được xác định thông qua tài liệu nhiều năm trạm Xuân Lộc và kết hợp với bản đồ đẳng trị mưa BQNN toàn quốc do Viện KTTV xây dựng. Lượng mưa năm BQNN trạm Xuân Lộc là $X_0 = 2.125,8$ mm. Trên bản đồ đẳng trị mưa, lưu vực hồ Gia Măng ở vị trí có giá trị lượng mưa BQNN khoảng 2.000 đến 2.200 mm. Đề nghị chọn lượng mưa năm BQNN áp dụng cho lưu vực Gia Măng là: $X_0 = 2.000$ mm.

Phân phối mưa trong năm áp dụng theo phân phối trạm Xuân Lộc. Mô hình mưa năm BQNN cho lưu vực Gia Măng như sau:

Bảng 1.1: Lượng mưa bình quân lưu vực, đơn vị: mm

Đặc trung	Tháng												Năm
	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
Xbq	9,6	11,4	20,5	76,5	214,9	261,7	303,1	328,6	351,5	283,6	107,0	31,5	2000

c) *Mưa gây lũ trên lưu vực*

Hàng năm, các tháng VIII, IX, X thường xuất hiện những trận mưa lớn, kéo dài 1÷2 ngày, có khi hơn, sinh ra lũ trên lưu vực. Đối với các lưu vực thuộc loại nhỏ như lưu vực hồ Gia Măng, lưu lượng đỉnh lũ phụ thuộc chủ yếu vào lượng mưa một ngày lớn nhất. Còn lượng mưa toàn trận và phân bố của trận mưa sau khi được lưu vực điều tiết sẽ tạo ra tổng lượng lũ và dạng đường quá trình lũ. Do đó việc xác định lượng mưa thời đoạn ngắn là rất cần thiết để tính toán lũ trên lưu vực.

Từ tài liệu thực đo nhiều năm, tính toán thống kê theo phương pháp đường thích hợp lượng mưa 1 ngày lớn nhất ($X_{1\max}$) tại trạm Xuân Lộc, xác định được lượng mưa gây lũ trên lưu vực như bảng sau:

Bảng 1.2: Lượng mưa ứng với các tần suất trên lưu vực hồ Gia Măng, đơn vị: mm

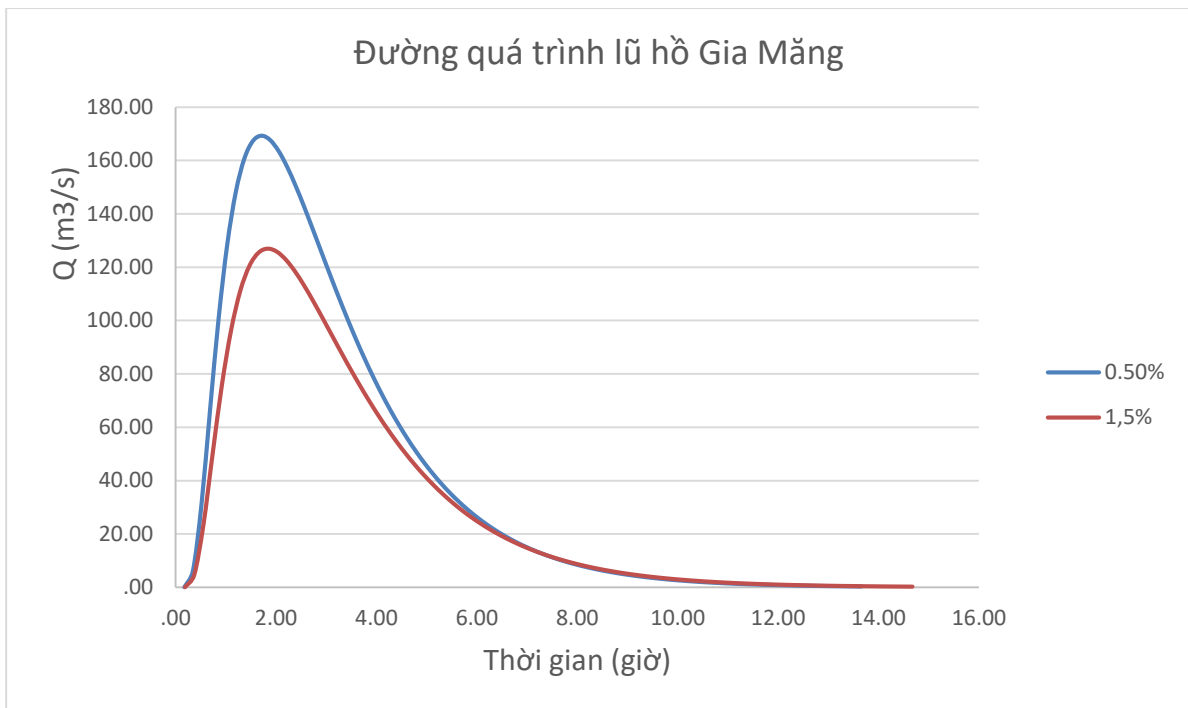
Lưu vực	P=0,5%	P=1%	P=1,5%	P=2%	P=5%	P=10%
Hồ Gia Măng	333	289	269	248	196	159

d) *Dòng chảy lũ đến lưu vực hồ chứa nước Gia Măng*

Lưu vực nghiên cứu có diện tích nhỏ ($F = 12,0 \text{ km}^2$). Theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 13615:2022 sử dụng công thức Cường độ giới hạn để tính lưu lượng lớn nhất cho lưu vực có diện tích nhỏ hơn 100 km^2 . Kết quả tính toán dòng chảy lũ như sau:

Bảng 1.3: Kết quả tính đỉnh lũ thiết kế hồ Gia Măng

Tần suất lũ thiết kế	0,5%	1,0%	1,5%	2,0%	5,0%	10,0%
Diện tích F (km^2)	12	12	12	12	12	12
Chiều dài sông chính L (km)	4	4	4	4	4	4
Tổng chiều dài sông nhánh Σl_i (km)	3	3	3	3	3	3
Độ dốc đáy sông J_s (‰)	3,5	3,5	3,5	3,5	3,5	3,5
Độ dốc bình quân sườn lưu vực J_d (‰)	40	40	40	40	40	40
Phân khu mưa rào	XV	XV	XV	XV	XV	XV
Lượng mưa thiết kế	333	289	269	248	196	159
Hệ số dòng chảy lũ	0,71	0,71	0,71	0,71	0,71	0,71
Mô đun đỉnh lũ A_p	0,066	0,063	0,061	0,059	0,055	0,051
Thời gian tập trung nước trên sườn dốc τ_d (phút)	79	85	88	91	102	112
Hệ số xét tới ảnh hưởng làm giảm nhỏ lưu lượng đỉnh lũ do ao, hồ δ_1	0,91	0,91	0,91	0,91	0,91	0,91
$Q_{\max}$ (m^3/s)	169,3	140,4	126,9	113,8	82,8	63,5
Mô đun đỉnh lũ $\text{m}^3/\text{s.km}^2$	14,1	11,7	10,6	9,5	6,9	5,3
$W_{\text{lũ}}$ (10^6m^3)	2,835	2,465	2,288	2,110	1,668	1,357



Hình 1.1: Biểu đồ đường quá trình lũ theo tần suất của hồ Gia Măng

3. Các hình thái thiên tai có thể xảy ra trong lưu vực hồ chứa bao gồm: Áp thấp nhiệt đới, bão; Lốc, sét, mưa đá và sương mù; Mưa lớn, lũ và ngập lụt; Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy; Nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn; Nước dâng, triều cường; Động đất.

Chương II

ĐẶC ĐIỂM VÙNG HẠ DU HỒ CHỨA

1. Địa hình vùng hạ du hồ chứa

Phạm vi vùng hạ du đập chính hồ chứa nước Gia Măng thuộc các xã Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Phú, Xuân Đông, Sông Ray tỉnh Đồng Nai.

- Suối Gia Măng: Từ sau hồ Gia Măng đến hợp lưu với sông Ray với chiều dài khoảng 4 km.

- Suối Sông Ray: Từ Cầu Lang Minh về hồ Sông Ray.

- Và các nhánh sông suối, kênh mương khác trong khu vực dự án.

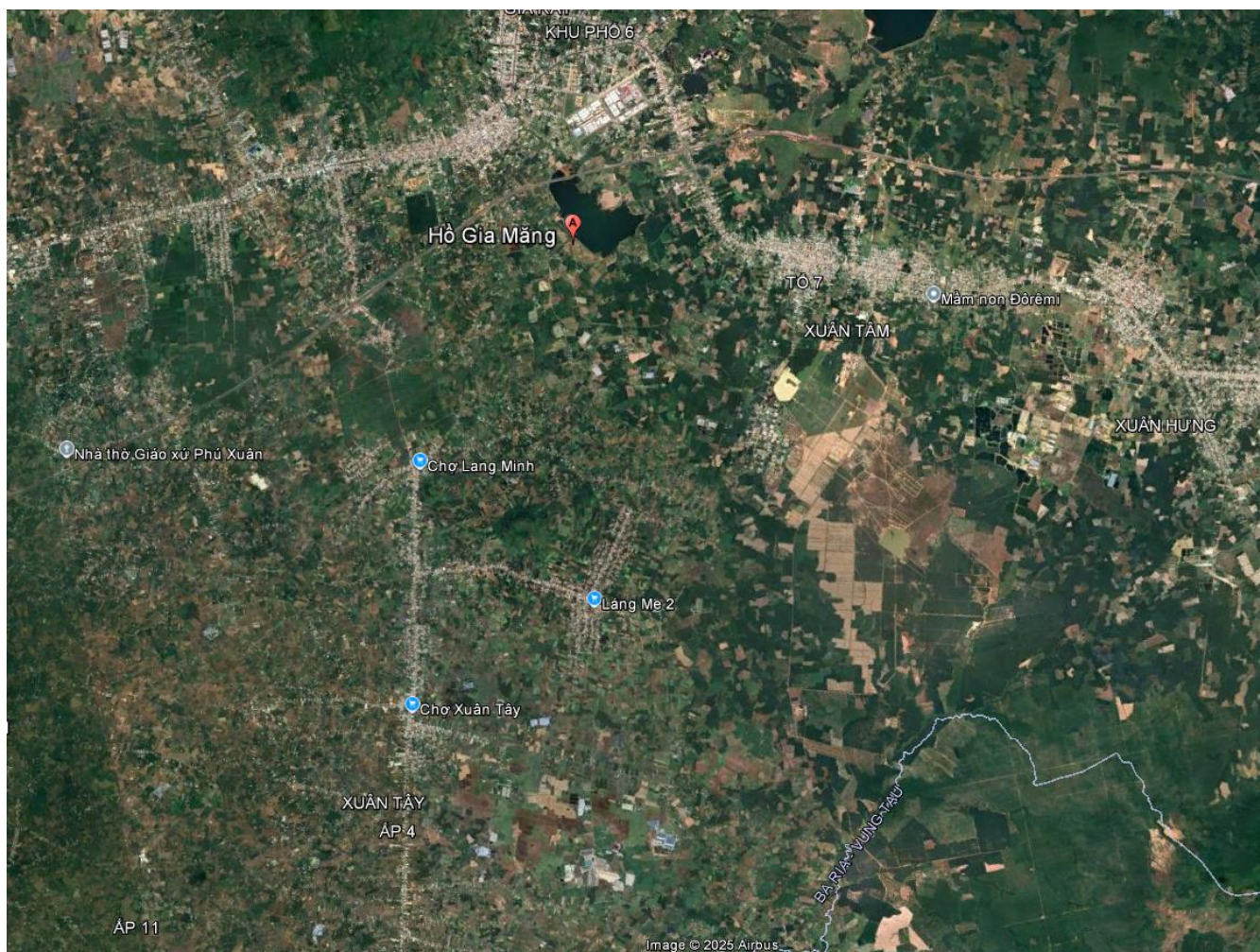
2. Dân cư vùng hạ du hồ chứa

Trong phạm vi vùng chịu ảnh hưởng của hồ chứa nước Gia Măng có khoảng 14.268 hộ dân. Số hộ dân thuộc vùng ảnh hưởng phân bố ở các xã Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Phú, Xuân Đông, Sông Ray tỉnh Đồng Nai.

Chương III

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG HỒ CHỨA, BẢN ĐỒ NGẬP LỤT VÙNG HẠ DU TRONG TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP HOẶC VỢ ĐẬP THEO CÁC KỊCH BẢN

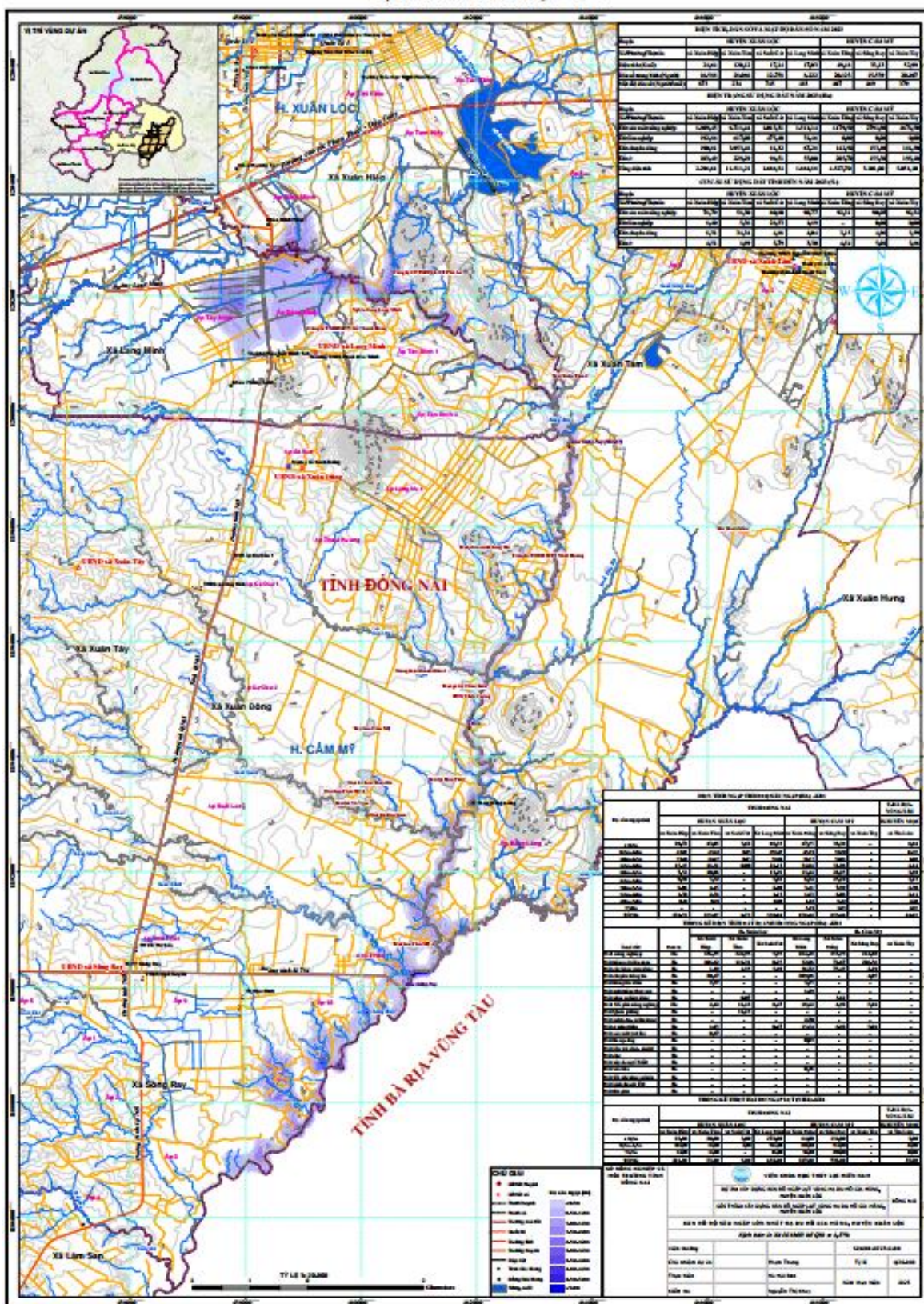
1. Sơ đồ mặt bằng hồ chứa



2. Bản đồ ngập lụt kịch bản xả lũ thiết kế tần suất 1,5%

BẢN ĐỒ ĐO SÂU NGẬP LỚN NHẤT HẠ DU HỒ GIA MĂNG, HUYỆN XUÂN LỘC

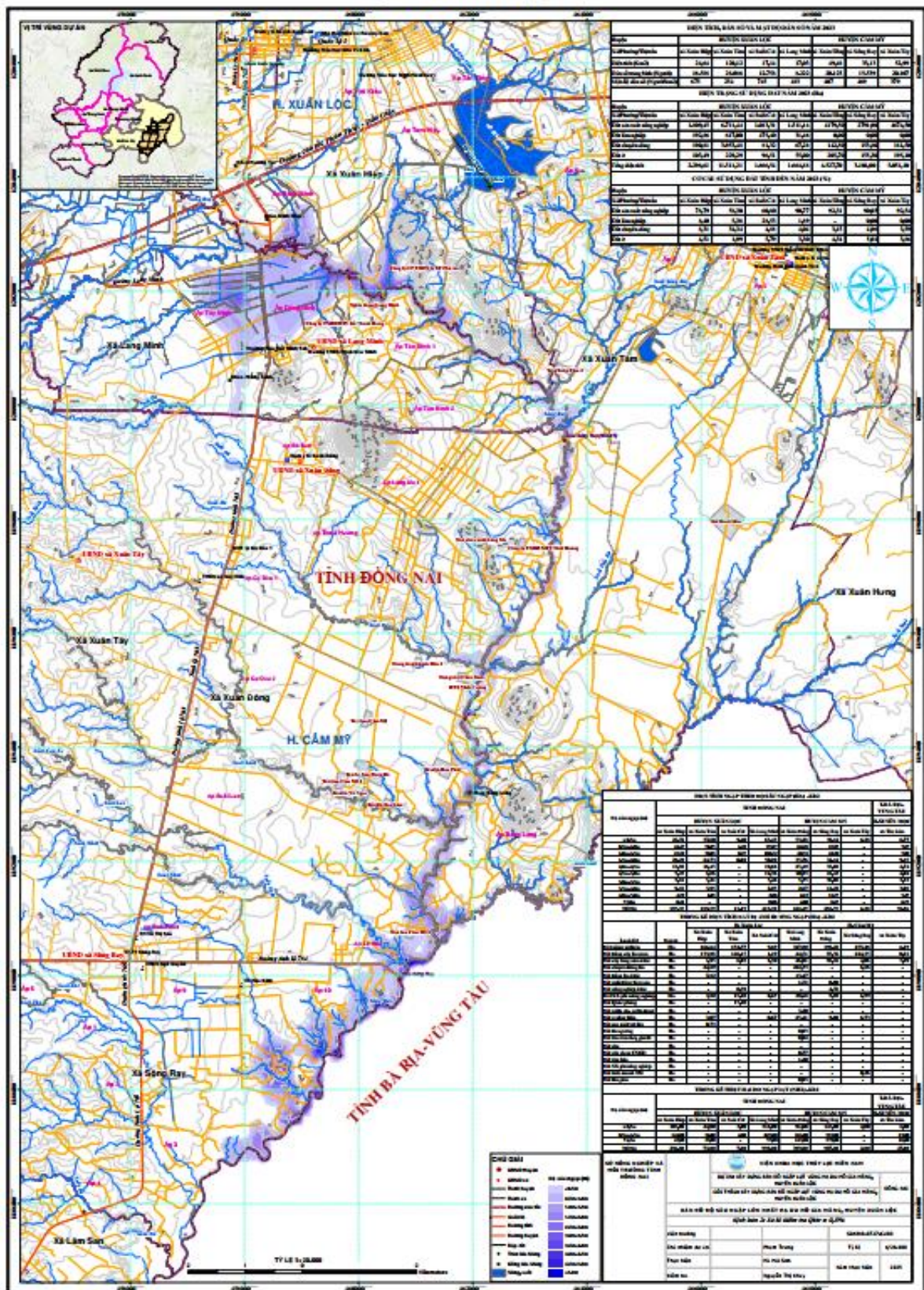
Kích bản 1: Xả lũ thiết kế $Q_{tk} = 1,5\%$



3. Bản đồ ngập lụt kịch bản xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%

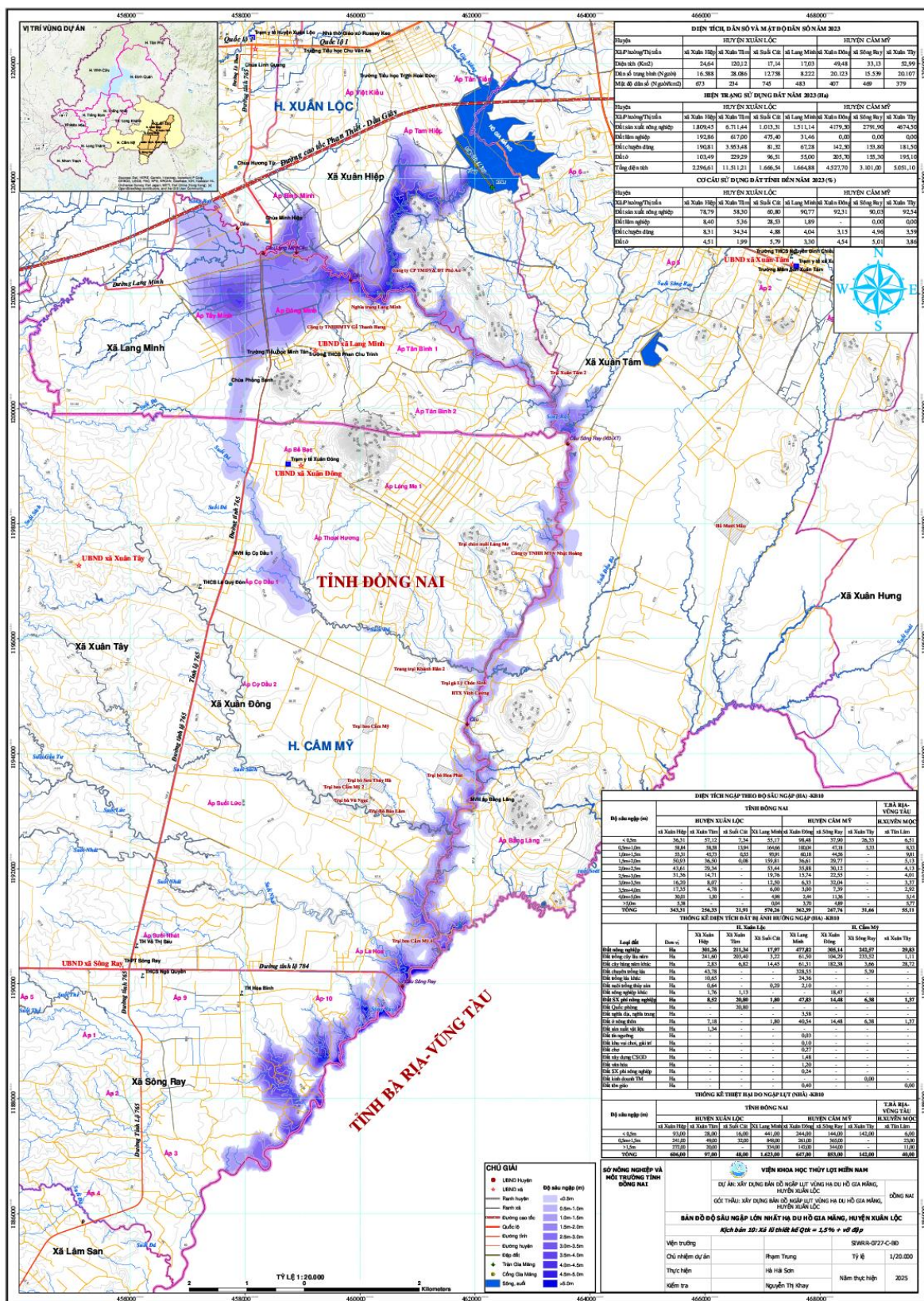
BẢN ĐỒ ĐỘ SÂU NGẬP LỚN NHẤT HẠ DU HỒ GIA MĂNG, HUYỆN XUÂN LỘC

Kịch bản 2: Xả lũ kiểm tra $Q_{ktr} = 0,5\%$



BẢN ĐỒ ĐỘ SÂU NGẬP LÓN NHẤT HẠ DU HỒ GIA MĂNG, HUYỆN XUÂN LỘC

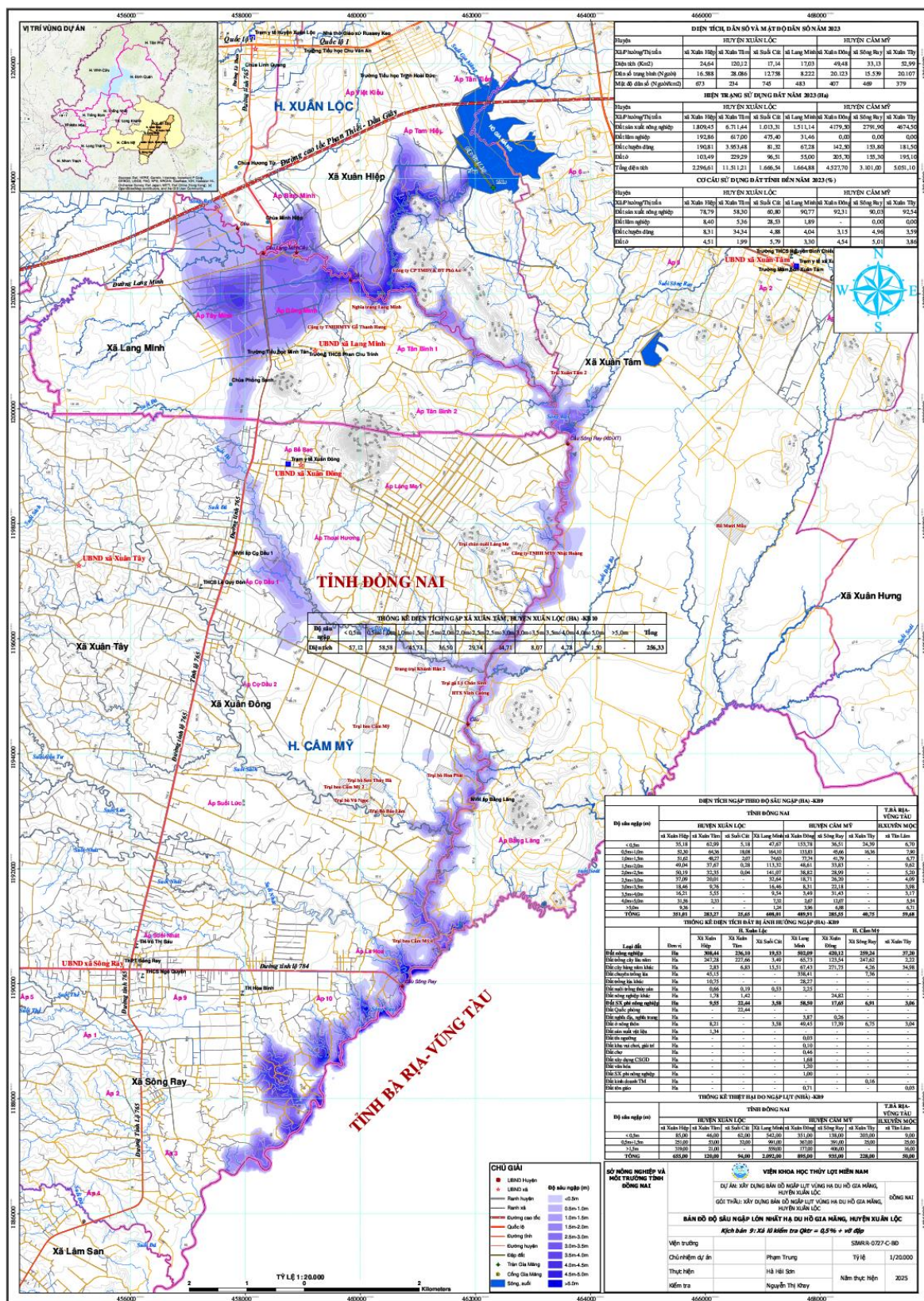
Kịch bản 4 : Xả lũ thiết kế $Q_{tk} = 1,5\% + \text{vỡ đập}$



6. Bản đồ ngập lụt kích bản xả lũ kiểm tra tần suất 0,5% + Vỡ đập

BẢN ĐỒ ĐỘ SÂU NGẬP LỚN NHẤT HẠ DU HỒ GIA MĂNG, HUYỆN XUÂN LỘC

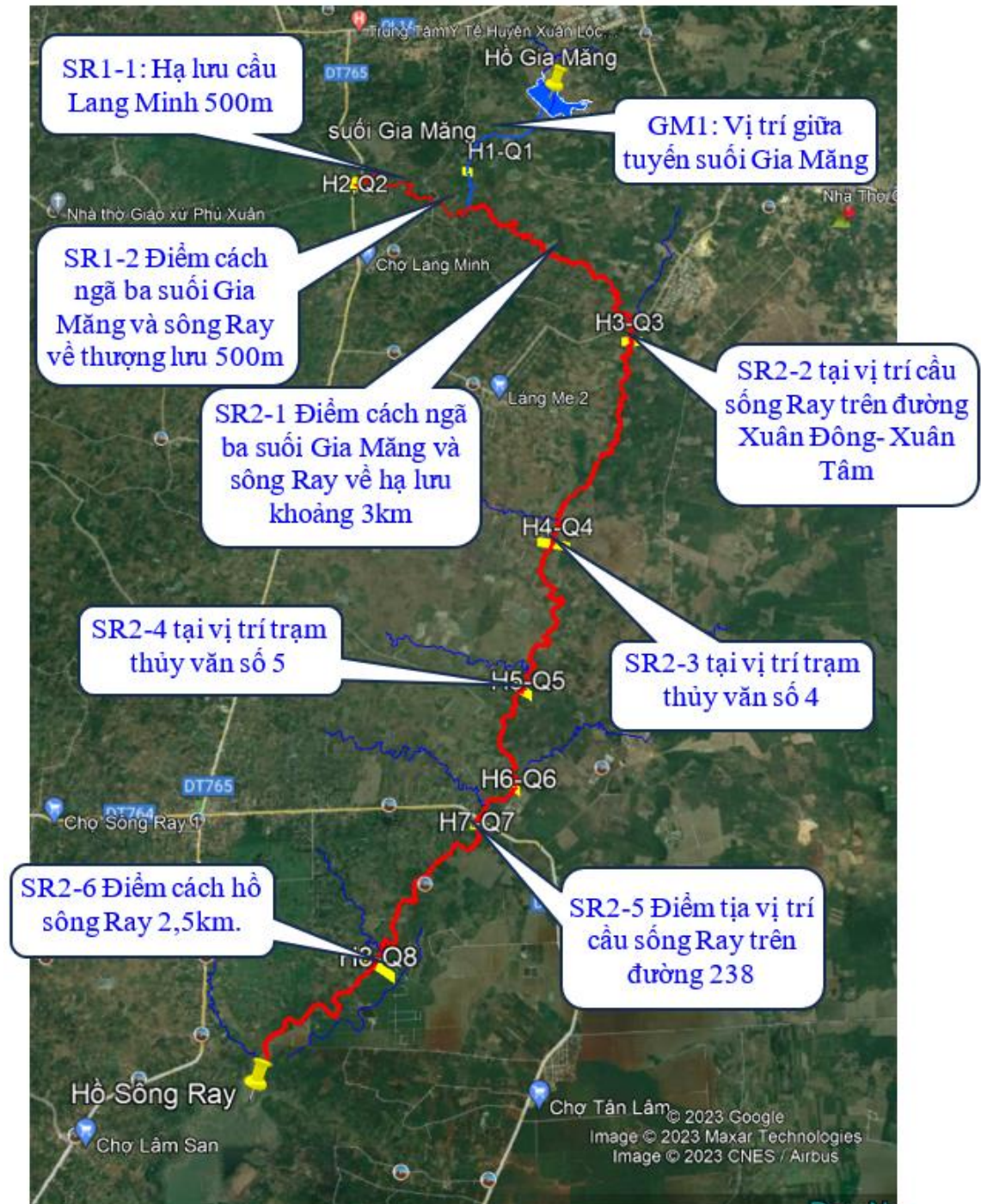
Kịch bản 5: Xã lữ kiểm tra Qktr = 0,5% + vỡ đập



Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày tháng năm 2026 của
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai)

THỜI GIAN TRUYỀN LŨ, ĐỘ SÂU NGẬP LỤT LỚN NHẤT, VẬN TỐC DÒNG CHẢY LỚN NHẤT VỚI CÁC KỊCH BẢN ỨNG PHÓ KHẨN CẤP HỒ GIA MĂNG



Vị trí xuất kết quả độ sâu ngập, mực nước, vận tốc

Bảng PL II.1: Thời gian truyền lũ, độ sâu ngập lụt lớn nhất, cao trình mực nước lớn nhất, vận tốc dòng chảy lớn nhất khi hồ Gia Măng xả lũ thiết kế tần suất 1,5%

Điểm	Đoạn sông suối (km)	Thời gian bắt đầu lũ đến khi đạt cao trình mực nước lớn nhất (giờ/phút)	Độ ngập sâu lớn nhất (m)	Cao trình mực nước lớn nhất (m)	Vận tốc dòng chảy lớn nhất (m/s)
GM1	1,99	2:00	2,87	109,25	0,88
SR1-1	0,97	4:15	5,13	108,69	1,29
SR1-2	4,04	5:45	6,83	108,22	1,09
SR2-1	3,17	5:45	7,05	103,47	1,61
SR2-2	6,10	5:30	7,73	98,96	1,74
SR2-3	12,10	6:30	7,36	90,22	1,55
SR2-4	16,02	6:00	7,54	85,72	1,44
SR2-5	19,01	4:30	8,71	82,95	1,40
SR2-6	23,02	6:30	10,59	78,19	2,53

Bảng PL II.2: Thời gian truyền lũ, độ sâu ngập lụt lớn nhất, cao trình mực nước lớn nhất, vận tốc dòng chảy lớn nhất khi hồ Gia Măng xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%

Điểm	Đoạn sông suối (km)	Thời gian bắt đầu lũ đến khi đạt cao trình mực nước lớn nhất (giờ/phút)	Độ ngập sâu lớn nhất (m)	Cao trình mực nước lớn nhất (m)	Vận tốc dòng chảy lớn nhất (m/s)
GM1	1,99	2:15	2,91	109,28	0,88
SR1-1	0,97	5:30	5,53	109,09	1,34
SR1-2	4,04	6:00	7,43	108,82	1,12
SR2-1	3,17	6:15	7,46	103,88	1,70
SR2-2	6,10	6:30	8,10	99,34	1,95
SR2-3	12,10	7:15	7,87	90,73	1,62
SR2-4	16,02	5:15	7,84	86,02	1,52
SR2-5	19,01	4:15	9,12	83,36	1,52
SR2-6	23,02	5:15	11,22	78,82	2,83

Bảng PL II.3: Thời gian truyền lũ, độ sâu ngập lụt lớn nhất, cao trình mực nước lớn nhất, vận tốc dòng chảy lớn nhất khi hồ Gia Măng vỡ đập ngày nắng

Điểm	Đoạn sông suối (km)	Thời gian bắt đầu lũ đến khi đạt cao trình mực nước lớn nhất (giờ/phút)	Độ ngập sâu lớn nhất (m)	Cao trình mực nước lớn nhất (m)	Vận tốc dòng chảy lớn nhất (m/s)
GM1	1,99	2:00	4,64	111,02	1,28
SR1-1	0,97	3:15	3,88	107,44	0,45
SR1-2	4,04	2:45	6,09	107,48	0,52
SR2-1	3,17	3:00	6,37	102,79	1,58

Điểm	Đoạn sông suối (km)	Thời gian bắt đầu lũ đến khi đạt cao trình mực nước lớn nhất (giờ/phút)	Độ ngập sâu lớn nhất (m)	Cao trình mực nước lớn nhất (m)	Vận tốc dòng chảy lớn nhất (m/s)
SR2-2	6,10	3:30	7,12	98,35	1,58
SR2-3	12,10	4:30	6,44	89,30	1,43
SR2-4	16,02	5:30	6,29	84,47	1,28
SR2-5	19,01	7:45	5,56	79,80	1,39
SR2-6	23,02	22:00	6,78	74,38	1,42

Bảng PL II.4: Thời gian truyền lũ, độ sâu ngập lụt lớn nhất, cao trình mực nước lớn nhất, vận tốc dòng chảy lớn nhất khi hồ Gia Măng xả lũ thiết kế tần suất 1,5% + vỡ đập

Điểm	Đoạn sông suối (km)	Thời gian bắt đầu lũ đến khi đạt cao trình mực nước lớn nhất (giờ/phút)	Độ ngập sâu lớn nhất (m)	Cao trình mực nước lớn nhất (m)	Vận tốc dòng chảy lớn nhất (m/s)
GM1	1,99	1:45	6,22	112,60	1,51
SR1-1	0,97	2:45	6,03	109,59	1,30
SR1-2	4,04	2:30	8,02	109,41	0,79
SR2-1	3,17	2:30	8,01	104,43	1,86
SR2-2	6,10	3:15	8,55	99,78	2,24
SR2-3	12,10	4:15	8,41	91,27	1,82
SR2-4	16,02	4:30	8,08	86,26	1,64
SR2-5	19,01	4:30	9,03	83,27	1,37
SR2-6	23,02	5:15	11,03	78,63	2,70

Bảng PL II.5: Thời gian truyền lũ, độ sâu ngập lụt lớn nhất, cao trình mực nước lớn nhất, vận tốc dòng chảy lớn nhất khi hồ Gia Măng xả lũ kiểm tra tần suất 0,5% + vỡ đập

Điểm	Đoạn sông suối (km)	Thời gian bắt đầu lũ đến khi đạt cao trình mực nước lớn nhất (giờ/phút)	Độ ngập sâu lớn nhất (m)	Cao trình mực nước lớn nhất (m)	Vận tốc dòng chảy lớn nhất (m/s)
GM1	1,99	1:45	6,24	112,62	1,48
SR1-1	0,97	3:00	6,35	109,91	1,41
SR1-2	4,04	2:30	8,34	109,73	0,97
SR2-1	3,17	2:45	8,17	104,59	1,90
SR2-2	6,10	3:30	8,70	99,93	2,34
SR2-3	12,10	4:15	8,63	91,49	1,86
SR2-4	16,02	4:15	8,21	86,39	1,70
SR2-5	19,01	2:30	9,18	83,42	1,49
SR2-6	23,02	3:45	11,39	78,99	2,78

DIỆN TÍCH NGẬP THEO ĐỘ SÂU NGẬP VỚI CÁC KỊCH BẢN ỨNG PHÓ KHẨN CẤP HỒ GIA MĂNG

Bảng PL II.6: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,50%

DIỆN TÍCH NGẬP THEO ĐỘ SÂU NGẬP (HA)						Tổng
Độ sâu ngập (m)	TỈNH ĐỒNG NAI					
	Xã Xuân Lộc	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Phú	Xã Xuân Đông	Xã Sông Ray	
< 0,5m	35,34	43,05	68,33	47,55	38,36	232,63
0,5m÷1,0m	43,98	47,12	159,47	47,39	52,70	350,66
1,0m÷1,5m	39,41	24,17	59,94	32,37	34,01	189,90
1,5m÷2,0m	15,45	18,31	21,13	34,94	31,96	121,79
2,0m÷2,5m	7,52	10,08	13,28	13,44	28,85	73,17
2,5m÷3,0m	9,99	5,32	5,88	6,74	25,19	53,12
3,0m÷3,5m	8,06	4,45	2,80	3,11	7,99	26,41
3,5m÷4,0m	1,50	2,38	1,13	1,83	6,06	12,90
4,0m÷5,0m	0,19	0,19	0,08	1,88	8,42	10,76
>5,0m	0,00	0,00	0,00	3,19	1,93	5,12
Tổng	161,44	155,07	332,04	192,44	235,47	1076,46
% diện tích ngập	15%	14%	31%	18%	22%	100%

Bảng PL II.7: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%

DIỆN TÍCH NGẬP THEO ĐỘ SÂU NGẬP (HA)						Tổng
Độ sâu ngập (m)	TỈNH ĐỒNG NAI					
	Xã Xuân Lộc	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Phú	Xã Xuân Đông	Xã Sông Ray	
< 0,5m	38,14	37,60	63,43	53,28	39,14	231,59
0,5m÷1,0m	42,66	52,95	95,97	62,28	45,93	299,79
1,0m÷1,5m	45,59	39,03	160,52	40,51	42,30	327,95
1,5m÷2,0m	29,31	24,73	50,92	35,76	34,14	174,86
2,0m÷2,5m	13,92	16,45	19,66	25,19	33,02	108,24
2,5m÷3,0m	7,23	8,66	12,36	10,93	21,47	60,65
3,0m÷3,5m	7,81	5,21	5,46	5,75	36,08	60,31
3,5m÷4,0m	9,18	3,95	2,95	2,67	11,29	30,04
4,0m÷5,0m	4,59	1,03	2,06	2,13	11,55	21,36
>5,0m	0,11	0,00	0,06	4,00	6,83	11,00
Tổng	198,54	189,61	413,39	242,50	281,75	1325,79
% diện tích ngập	15%	14%	31%	18%	21%	100%

Bảng PL II.8: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập ngày nắng

DIỆN TÍCH NGẬP THEO ĐỘ SÂU NGẬP (HA)						Tổng
Độ sâu ngập (m)	TỈNH ĐỒNG NAI					
	Xã Xuân Lộc	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Phú	Xã Xuân Đông	Xã Sông Ray	
< 0,5m	31,50	21,34	11,60	27,30	0,32	92,06
0,5m÷1,0m	39,75	22,01	11,91	28,56	0,42	102,65
1,0m÷1,5m	18,65	11,53	6,53	11,63	0,36	48,70
1,5m÷2,0m	19,51	6,21	5,59	4,70	0,29	36,30
2,0m÷2,5m	22,01	4,07	4,54	2,50	0,21	33,33
2,5m÷3,0m	13,68	1,33	0,38	1,18	0,09	16,66
3,0m÷3,5m	10,36	0,01	0,00	0,99	0,06	11,42
3,5m÷4,0m	2,18	0,00	0,00	0,87	0,05	3,10
4,0m÷5,0m	0,48	0,00	0,00	0,97	0,02	1,47
>5,0m	0,00	0,00	0,00	0,53	0,00	0,53
Tổng	158,12	66,50	40,55	79,23	1,82	346,22
% diện tích ngập	46%	19%	12%	23%	1%	100%

Bảng PL II.9: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống hồ Gia Mỹ xả lũ thiết kế tần suất 1,5% + vỡ đập

DIỆN TÍCH NGẬP THEO ĐỘ SÂU NGẬP (HA)						Tổng
Độ sâu ngập (m)	TỈNH ĐỒNG NAI					
	Xã Xuân Lộc	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Phú	Xã Xuân Đông	Xã Sông Ray	
< 0,5m	43,65	57,12	55,17	98,48	37,90	292,32
0,5m÷1,0m	72,78	58,58	164,66	100,04	47,18	443,24
1,0m÷1,5m	53,86	45,73	93,91	60,18	44,56	298,24
1,5m÷2,0m	51,01	36,50	159,81	36,61	29,77	313,70
2,0m÷2,5m	43,61	29,34	53,44	35,88	30,12	192,39
2,5m÷3,0m	31,36	14,71	19,76	15,74	22,55	104,12
3,0m÷3,5m	16,20	8,07	12,50	6,33	32,04	75,14
3,5m÷4,0m	17,35	4,78	6,00	3,00	7,39	38,52
4,0m÷5,0m	30,01	1,50	4,98	2,44	11,36	50,29
>5,0m	5,38	0,00	0,04	3,70	4,89	14,01

Tổng	365,21	256,33	570,27	362,40	267,76	1821,97
% diện tích ngập	20%	14%	31%	20%	15%	100%

Bảng PL II.10: Thống kê diện tích ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống hồ Gia Mỹ xả lũ kiểm tra tần suất 0,5% + vỡ đập

DIỆN TÍCH NGẬP THEO ĐỘ SÂU NGẬP (HA)						Tổng
Độ sâu ngập (m)	TỈNH ĐỒNG NAI					
	Xã Xuân Lộc	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Phú	Xã Xuân Đông	Xã Sông Ray	
< 0,5m	40,36	62,99	47,67	153,78	36,51	341,31
0,5m÷1,0m	70,38	64,36	164,10	133,83	45,66	478,33
1,0m÷1,5m	53,69	48,27	74,63	77,74	41,79	296,12
1,5m÷2,0m	49,32	37,67	113,32	48,61	33,83	282,75
2,0m÷2,5m	50,23	32,35	141,07	38,82	28,99	291,46
2,5m÷3,0m	37,09	20,01	32,64	18,71	26,20	134,65
3,0m÷3,5m	18,46	9,76	16,46	8,31	22,18	75,17
3,5m÷4,0m	16,21	5,55	9,54	3,49	31,43	66,22
4,0m÷5,0m	31,56	2,33	7,32	2,67	12,07	55,95
>5,0m	9,36	0,00	1,24	3,96	6,88	21,44
Tổng	376,66	283,29	607,99	489,92	285,54	2043,40
% diện tích ngập	18%	14%	30%	24%	14%	100%

THỐNG KÊ THIẾT HẠI DO NGẬP LỤT (NHÀ) ỨNG VỚI CÁC KỊCH BẢN ỨNG PHÓ KHẨN CẤP HỒ GIA MỸ

Bảng PL II.11: Thống kê số nhà trong vùng ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,50%

SỐ NHÀ TRONG VÙNG NGẬP THEO ĐỘ SÂU NGẬP (CÁI)						TỔNG
Độ sâu ngập (m)	TỈNH ĐỒNG NAI					
	Xã Xuân Lộc	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Phú	Xã Xuân Đông	Xã Sông Ray	
< 0,5m	86	20	272	64	134	576
0,5m÷1,5m	106	22	344	169	314	955
>1,5m	24	11	16	94	290	435
Tổng	216	53	632	327	738	1966
% nhà trong vùng ngập	11%	3%	32%	17%	38%	100%

Bảng PL II.12: Thống kê số nhà trong vùng ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%

SỐ NHÀ TRONG VÙNG NGẬP THEO ĐỘ SÂU NGẬP (CÁI)						TỔNG
Độ sâu ngập (m)	TỈNH ĐỒNG NAI					
	Xã Xuân Lộc	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Phú	Xã Xuân Đông	Xã Sông Ray	
< 0,5m	108	22	318	91	145	684
0,5m÷1,5m	148	34	623	161	383	1349
>1,5m	47	17	57	147	379	647
Tổng	303	73	998	399	907	2680
% nhà trong vùng ngập	11%	3%	37%	15%	34%	100%

Bảng PL II.13: Thống kê số nhà trong vùng ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập ngày nắng

SỐ NHÀ TRONG VÙNG NGẬP THEO ĐỘ SÂU NGẬP (CÁI)						TỔNG
Độ sâu ngập (m)	TỈNH ĐỒNG NAI					
	Xã Xuân Lộc	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Phú	Xã Xuân Đông	Xã Sông Ray	
< 0,5m	48	12	10	50	18	138
0,5m÷1,5m	136	3	16	35	6	196
>1,5m	49	6	2	22	13	92
Tổng	233	21	28	107	37	426
% nhà trong vùng ngập	55%	5%	7%	25%	9%	100%

Bảng PL II.14: Thống kê số nhà trong vùng ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống hồ Gia Măng xả lũ thiết kế tần suất 1,5% + vỡ đập

SỐ NHÀ TRONG VÙNG NGẬP THEO ĐỘ SÂU NGẬP (CÁI)						TỔNG
Độ sâu ngập (m)	TỈNH ĐỒNG NAI					
	Xã Xuân Lộc	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Phú	Xã Xuân Đông	Xã Sông Ray	
< 0,5m	109	28	441	244	144	966
0,5m÷1,5m	273	49	848	261	365	1796
>1,5m	272	20	334	142	344	1112
Tổng	654	97	1623	647	853	3874
% nhà trong vùng ngập	17%	3%	42%	17%	22%	100%

Bảng PL II.15: Thống kê số nhà trong vùng ngập theo độ sâu ngập với Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống hồ Gia Măng xả lũ kiểm tra tần suất 0,5% + vỡ đập

SỐ NHÀ TRONG VÙNG NGẬP THEO ĐỘ SÂU NGẬP (CÁI)						TỔNG
Độ sâu ngập (m)	TỈNH ĐỒNG NAI					
	Xã Xuân Lộc	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Phú	Xã Xuân Đông	Xã Sông Ray	

< 0,5m	147	46	542	351	138	1224
0,5m÷1,5m	283	53	991	367	391	2085
>1,5m	319	21	559	177	406	1482
Tổng	749	120	2092	895	935	4791
% nhà trong vùng ngập	16%	3%	44%	19%	20%	100%

Phụ lục III

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ- SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai)

SỐ HỘ, HƯỚNG DI TẢN, NƠI DI CHUYỂN ĐẾN, PHƯƠNG TIỆN DI CHUYỂN KHI CÓ LŨ LỚN, BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH DI TẢN DÂN CƯ THEO CÁC KỊCH BẢN

Bảng PL III.1: Số hộ ảnh hưởng, hướng di chuyển, phương tiện di chuyển Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,50%

Tên xã	Tên ấp	Số hộ dân ngập KB1 (hộ dân)	Vị trí an toàn di dời	Đường di dời	Phương tiện di chuyển
Xã Xuân Lộc	Tân Tiến	520	Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tam Hiệp		Lên nhà cao không bị ngập; Vườn lan	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Việt Kiều		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Bình Minh		Lên nhà cao không bị ngập; Chùa Minh Hiệp	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Xuân Hòa	Ấp 5	132	Lên nhà cao không bị ngập; Trại Xuân Tâm 2	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Bằng Lăng		Lên nhà cao không bị ngập; Nhà văn hóa ấp Bằng Lăng	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Xuân Phú	Đông Minh	1440	Lên nhà cao không bị ngập; UBND xã, Trường Tiểu học Minh Tân, Trường THCS Phan Chu Trinh	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tây Minh		Lên nhà cao không bị ngập; Trung tâm văn hóa xã	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tân Bình 1		Lên nhà cao không bị ngập; Nhà thờ giáo xứ, Công ty	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tân Bình 2		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Xuân Đông	Láng Me 2	1052	Lên nhà cao không bị ngập; Vườn lan	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Thoại Hương		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Cọ Dầu 2		Lên nhà cao không bị ngập; Trang trại nuôi heo, bò	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Tên xã	Tên ấp	Số hộ dân ngập KB1 (hộ dân)	Vị trí an toàn di dời	Đường di dời	Phương tiện di chuyển
	Suối Lức		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	La Hoa		Lên nhà cao không bị ngập; Cửa hàng xăng dầu; Trường học	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Sông Ray	Ấp 1	2416	Lên nhà cao không bị ngập, Trụ sở ấp 1	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Ấp 3		Lên nhà cao không bị ngập, Trụ sở ấp 3	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Ấp 10		Lên nhà cao không bị ngập, Nhà Văn hóa ấp 10, TH Hòa Bình	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Bảng PL III.2: Số hộ ảnh hưởng, hướng di chuyển, phương tiện di chuyển Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5%

Tên xã	Tên ấp	Số hộ dân ngập KB2 (hộ dân)	Vị trí an toàn di dời	Đường di dời	Phương tiện di chuyển
Xã Xuân Lộc	Tân Tiến	780	Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tam Hiệp		Lên nhà cao không bị ngập; Vườn lan	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Việt Kiều		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Bình Minh		Lên nhà cao không bị ngập; Chùa Minh Hiệp	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Xuân Hòa	Ấp 5	204	Lên nhà cao không bị ngập; Trại Xuân Tâm 2	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Bằng Lăng		Lên nhà cao không bị ngập; Nhà văn hóa ấp Bằng Lăng	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Xuân Phú	Đông Minh	2720	Lên nhà cao không bị ngập; UBND xã, Trường Tiểu học Minh Tân, Trường THCS Phan Chu Trinh	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tây Minh		Lên nhà cao không bị ngập; Trung tâm văn hóa xã	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tân Bình 1		Lên nhà cao không bị ngập; Nhà thờ giáo xứ, Công ty	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Tên xã	Tên ấp	Số hộ dân ngập KB2 (hộ dân)	Vị trí an toàn di dời	Đường di dời	Phương tiện di chuyển
	Tân Bình 2		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Xuân Đông	Láng Me 2	1232	Lên nhà cao không bị ngập; Vườn lan	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Thoại Hương		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Cọ Dầu 2		Lên nhà cao không bị ngập; Trang trại nuôi heo, bò	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Suối Lức		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	La Hoa		Lên nhà cao không bị ngập; Cửa hàng xăng dầu; Trường học	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Sông Ray	Ấp 1	3048	Lên nhà cao không bị ngập, Trụ sở ấp 1	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Ấp 3		Lên nhà cao không bị ngập, Trụ sở ấp 3	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Ấp 10		Lên nhà cao không bị ngập, Nhà Văn hóa ấp 10, TH Hòa Bình	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Bảng PL III.3: Số hộ ảnh hưởng, hướng di chuyển, phương tiện di chuyển Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập ngày nắng

Tên xã	Tên ấp	Số hộ dân ngập KB3 (hộ dân)	Vị trí an toàn di dời	Đường di dời	Phương tiện di chuyển
Xã Xuân Lộc	Tân Tiến	740	Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tam Hiệp		Lên nhà cao không bị ngập; Vườn lan	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Việt Kiều		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Xuân Hòa	Ấp 5	36	Lên nhà cao không bị ngập; Trại Xuân Tâm 2	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Bằng Lăng		Lên nhà cao không bị ngập; Nhà văn hóa ấp Bằng Lăng	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Xuân Phú	Đông Minh	72	Lên nhà cao không bị ngập; UBND xã, Trường Tiểu học Minh Tân, Trường THCS Phan Chu Trinh	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Tên xã	Tên ấp	Số hộ dân ngập KB3 (hộ dân)	Vị trí an toàn di dời	Đường di dời	Phương tiện di chuyển
	Tây Minh		Lên nhà cao không bị ngập; Trung tâm văn hóa xã	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tân Bình 1		Lên nhà cao không bị ngập; Nhà thờ giáo xứ, Công ty	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Xuân Đông	Thoại Hương	228	Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Cọ Dầu 2		Lên nhà cao không bị ngập; Trang trại nuôi heo, bò	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Suối Lức		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	La Hoa		Lên nhà cao không bị ngập; Cửa hàng xăng dầu; Trường học	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Bảng PL III.4: Số hộ ảnh hưởng, hướng di chuyển, phương tiện di chuyển Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5% + Vỡ đập

Tên xã	Tên ấp	Số hộ dân ngập KB4 (hộ dân)	Vị trí an toàn di dời	Đường di dời	Phương tiện di chuyển
Xã Xuân Lộc	Tân Tiến	2180	Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tam Hiệp		Lên nhà cao không bị ngập; Vườn lan	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Việt Kiều		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Bình Minh		Lên nhà cao không bị ngập; Chùa Minh Hiệp	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Xuân Hòa	Ấp 5	276	Lên nhà cao không bị ngập; Trại Xuân Tâm 2	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Ấp 6		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Bằng Lăng		Lên nhà cao không bị ngập; Nhà văn hóa ấp Bằng Lăng	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Xuân Phú	Đông Minh	4728	Lên nhà cao không bị ngập; UBND xã, Trường Tiểu học Minh Tân, Trường THCS Phan Chu Trinh	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Tên xã	Tên ấp	Số hộ dân ngập KB4 (hộ dân)	Vị trí an toàn di dời	Đường di dời	Phương tiện di chuyển
	Tây Minh		Lên nhà cao không bị ngập; Trung tâm văn hóa xã	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tân Bình 1		Lên nhà cao không bị ngập; Nhà thờ giáo xứ, Công ty	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tân Bình 2		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Xuân Đông	Láng Me 2	1612	Lên nhà cao không bị ngập; Vườn lan	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Thoại Hương		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Bể Bạc		Lên nhà cao không bị ngập; UBND xã Xuân Đông, Trạm Y tế xã	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Cọ Dầu 1		Lên nhà cao không bị ngập; Nhà Văn hóa ấp Cọ Dầu 1; Trường THCS Lê Quý Đôn	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Cọ Dầu 2		Lên nhà cao không bị ngập; Trang trại nuôi heo, bò	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Suối Lức		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	La Hoa		Lên nhà cao không bị ngập; Cửa hàng xăng dầu; Trường học	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Sông Ray	Ấp 1	2836	Lên nhà cao không bị ngập, Trụ sở ấp 1	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Ấp 3		Lên nhà cao không bị ngập, Trụ sở ấp 3	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Ấp 10		Lên nhà cao không bị ngập, Nhà Văn hóa ấp 10, TH Hòa Bình	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Bảng PL III.5: Số hộ ảnh hưởng, hướng di chuyển, phương tiện di chuyển Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5% + Vỡ đập

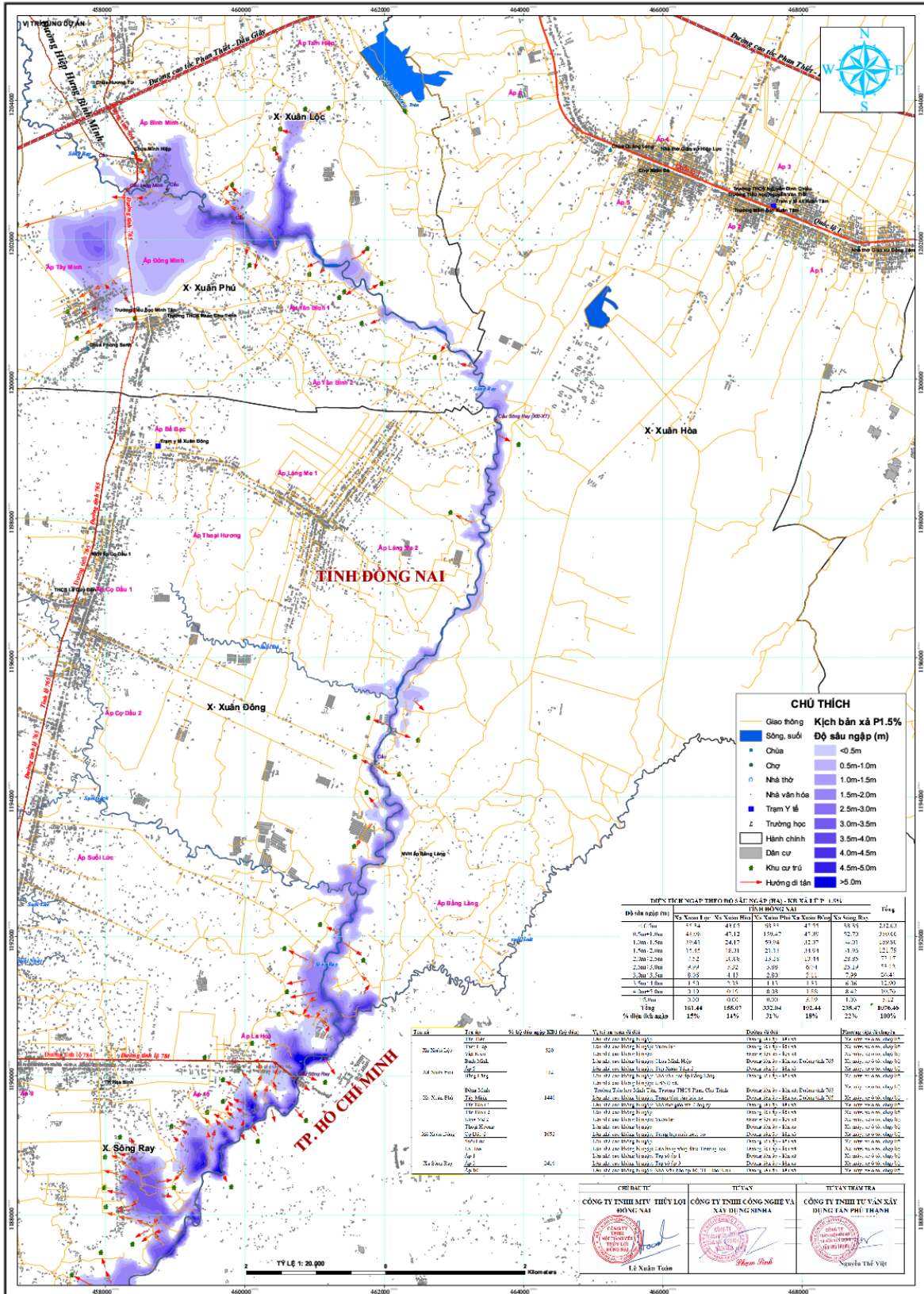
Tên xã	Tên ấp	Số hộ dân ngập KB4 (hộ dân)	Vị trí an toàn di dời	Đường di dời	Phương tiện di chuyển
Xã Xuân Lộc	Tân Tiến	2408	Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tam Hiệp		Lên nhà cao không bị ngập; Vườn lan	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Việt Kiều		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Bình Minh		Lên nhà cao không bị ngập; Chùa Minh Hiệp	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Xuân Hòa	Ấp 5	296	Lên nhà cao không bị ngập; Trại Xuân Tâm 2	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Ấp 6		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Bằng Lăng		Lên nhà cao không bị ngập; Nhà văn hóa ấp Bằng Lăng	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Xuân Phú	Đông Minh	6200	Lên nhà cao không bị ngập; UBND xã, Trường Tiểu học Minh Tân, Trường THCS Phan Chu Trinh	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tây Minh		Lên nhà cao không bị ngập; Trung tâm văn hóa xã	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tân Bình 1		Lên nhà cao không bị ngập; Nhà thờ giáo xứ, Công ty	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Tân Bình 2		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Xuân Đông	Láng Me 2	2176	Lên nhà cao không bị ngập; Vườn lan	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Thoại Hương		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Bể Bạc		Lên nhà cao không bị ngập; UBND xã Xuân Đông, Trạm Y tế xã	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Cọ Dầu 1		Lên nhà cao không bị ngập; Nhà Văn hóa ấp Cọ Dầu 1; Trường THCS Lê Quý Đôn	Đường liên ấp - liên xã; Đường tỉnh 765	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Cọ Dầu 2		Lên nhà cao không bị ngập; Trang trại nuôi heo, bò	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

Tên xã	Tên ấp	Số hộ dân ngập KB4 (hộ dân)	Vị trí an toàn di dời	Đường di dời	Phương tiện di chuyển
	Suối Lúc		Lên nhà cao không bị ngập	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	La Hoa		Lên nhà cao không bị ngập; Cửa hàng xăng dầu; Trường học	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
Xã Sông Ray	Ấp 1	3188	Lên nhà cao không bị ngập, Trụ sở ấp 1	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Ấp 3		Lên nhà cao không bị ngập, Trụ sở ấp 3	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ
	Ấp 10		Lên nhà cao không bị ngập, Nhà Văn hóa ấp 10, TH Hòa Bình	Đường liên ấp - liên xã	Xe máy, xe ô tô, chạy bộ

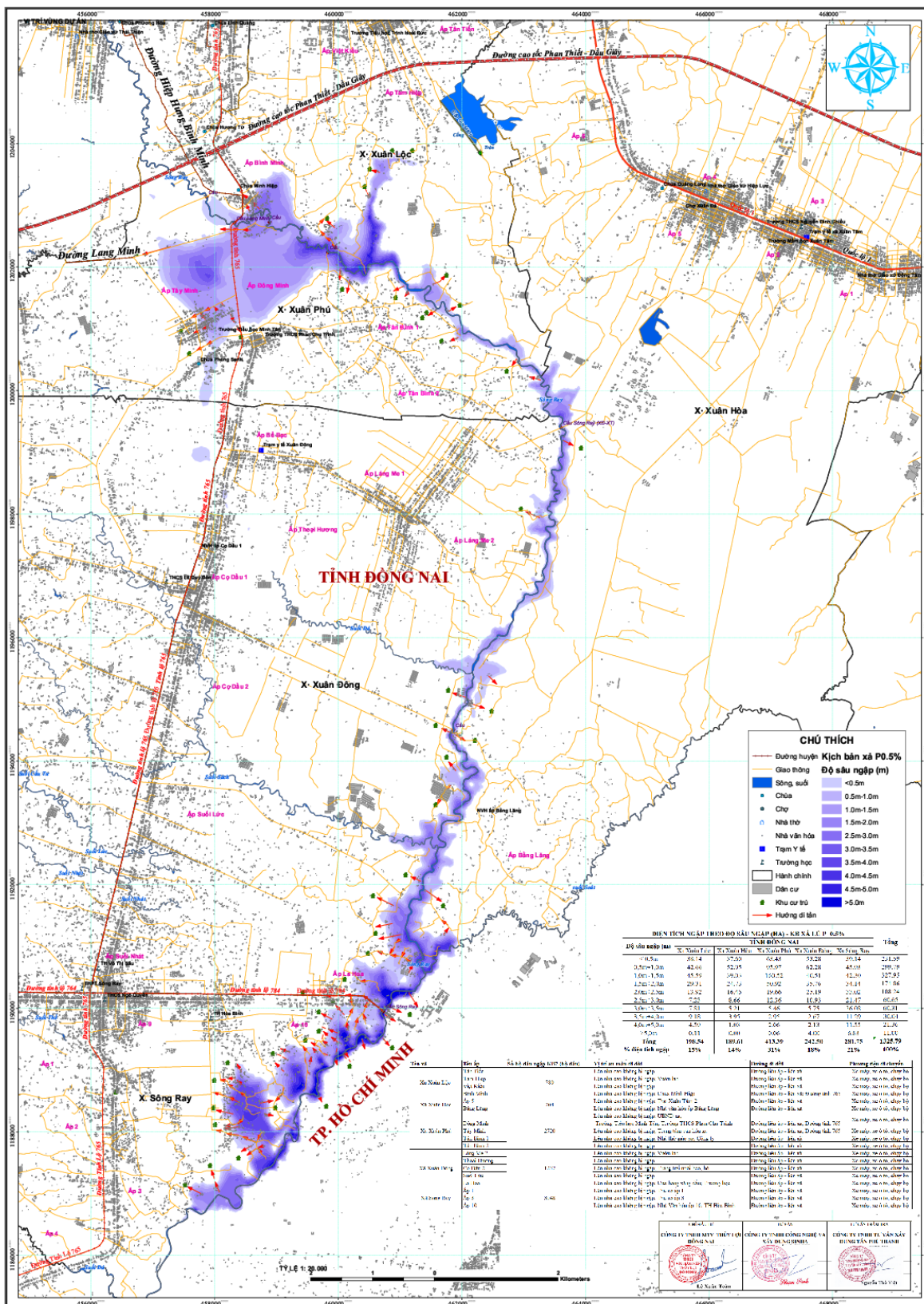
Hình PL III.1: Bản đồ kế hoạch di tản dân cư Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,50%

BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH DI TẢN DÂN CƯ HẠ DU HỒ GIA MĂNG, TỈNH ĐỒNG NAI

Kịch bản 1: Xã lũ thiết kế Qtk = 1,5%



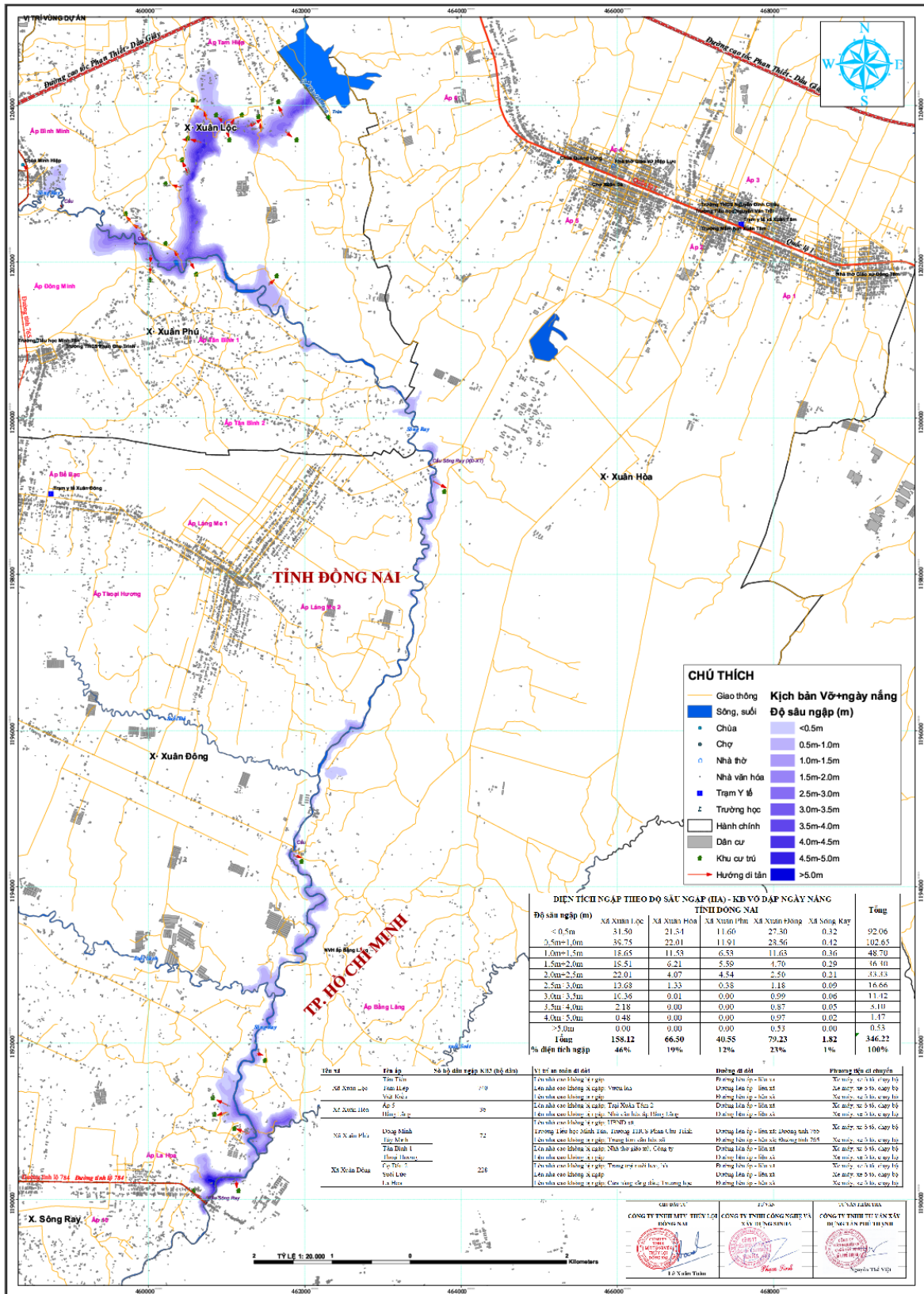
Kịch bản 2: Xả lũ kiểm tra $Q_{kt} = 0,5\%$



Hình PL III.3: Bản đồ kế hoạch di tản dân cư Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập ngày nắng

BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH DI TẢN DÂN CƯ HẠ DU HỒ GIA MĂNG, TỈNH ĐỒNG NAI

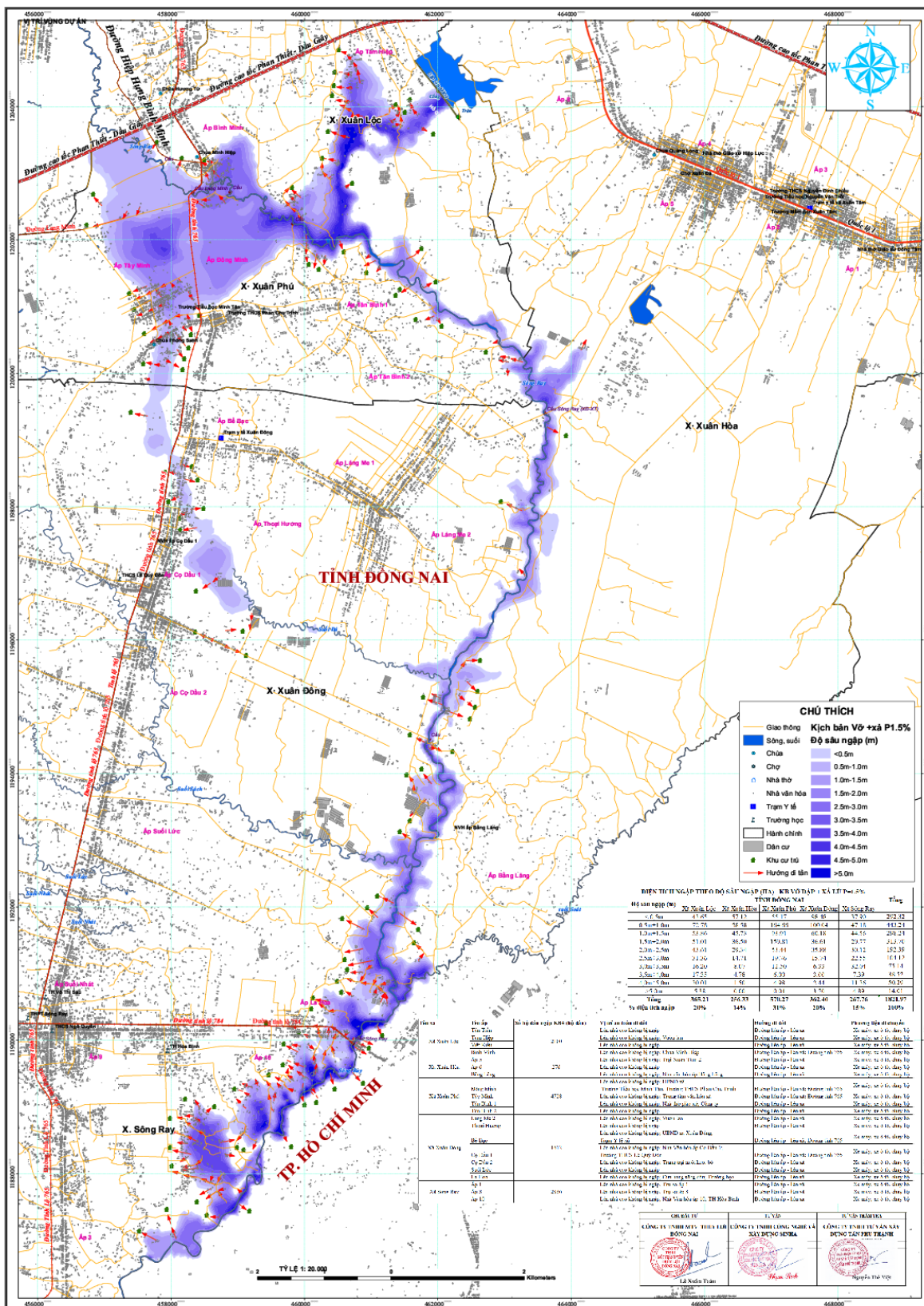
Kịch bản 3: Không có lũ nhưng có sự cố công trình có khả năng gây vỡ đập



Hình PL III.4: Bản đồ kế hoạch di tản dân cư Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5% + Vỡ đập

BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH DI TẢN DÂN CƯ HẠ DU HỒ GIA MĂNG, TỈNH ĐỒNG NAI

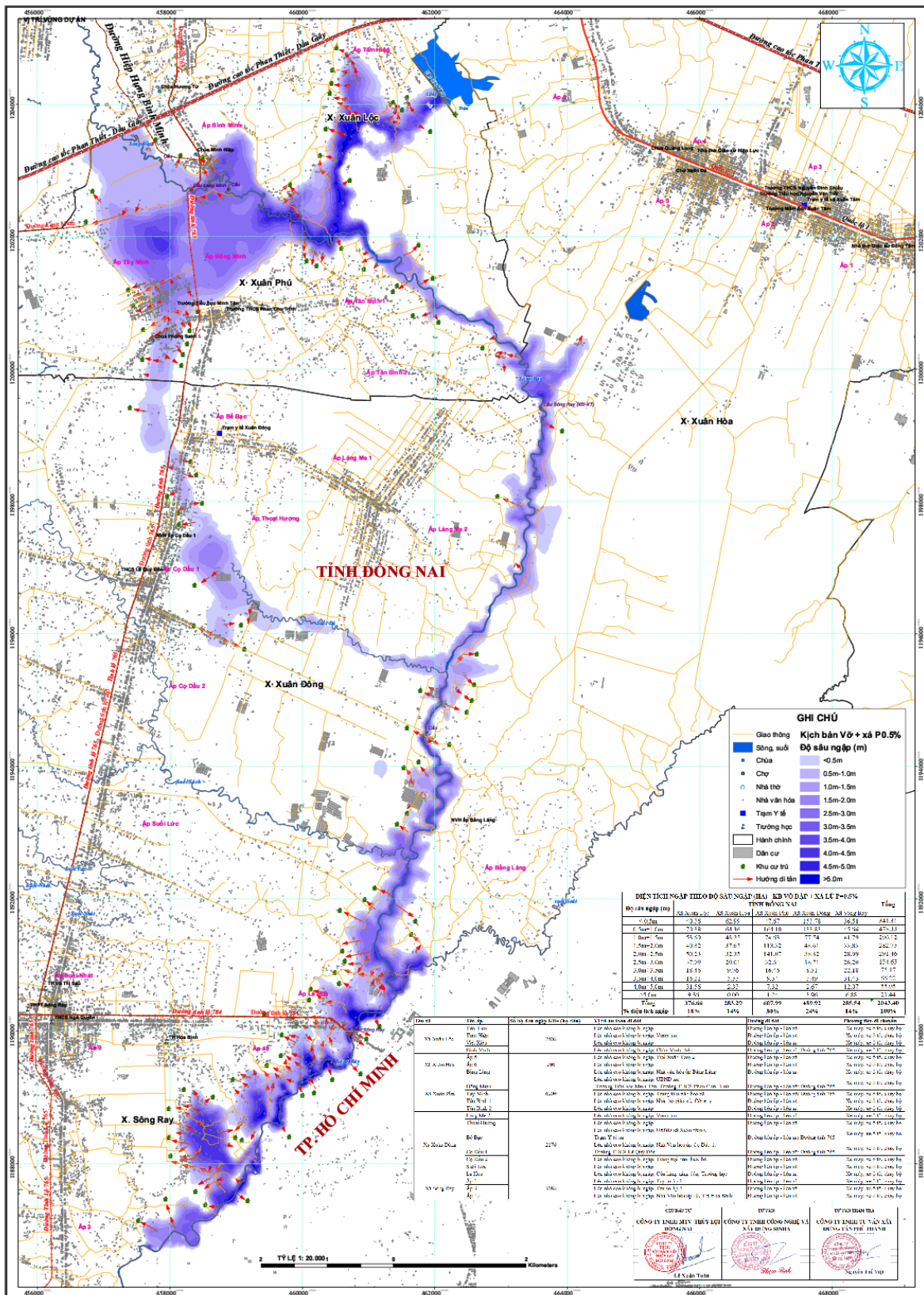
Kịch bản 4: Xã lũ thiết kế $P=1.5\%+$ Vỡ đập



Hình PL III.5: Bản đồ kế hoạch di tản dân cư Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,5% + Vỡ đập

BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH DI TẢN DÂN CƯ HẠ DU HỒ GIA MĂNG, TỈNH ĐỒNG NAI

Kịch bản 5: Xã lũ kiểm tra P=0.5% + Vỡ đập



Phụ lục IV

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ- SNNMT ngày tháng năm 2026 của
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai)

**PHƯƠNG AN HUY ĐỘNG NHÂN LỰC, PHƯƠNG TIỆN, MÁY MÓC, THIẾT
BỊ, VẬT TƯ**

Bảng PL IV.1: Dự phòng lương thực, thực phẩm, thuốc men phục vụ công tác Phòng
chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn

STT	Chủng loại	Đơn vị	Số lượng	Đơn vị chủ trì
1	Thuốc phục vụ phòng chống lụt bão	Cơ số	45	Sở Y tế
2	Thuốc gia đình	Cơ số	210	
3	Thuốc chống dịch	Cơ số	210	
4	Thuốc clomin B	Kg	105	
5	Vật tư y tế cho tuyến tỉnh	Cơ số	6	
6	Vật tư y tế cho tuyến xã	Cơ số	6	
7	Hóa chất vệ sinh môi trường	Lít	210	
8	Mỳ ăn liền	Thùng	4500	Sở Công thương
9	Lương khô	Thùng	60	
10	Gạo	Tấn	60	
11	Nước uống đóng chai	Thùng	600	
12	Các mặt hàng lương thực thực phẩm khác	Tấn	45	
13	Xăng	Lít	2100	
14	Dầu	Lít	2100	

Bảng PL IV.2: Dự phòng phương tiện phục vụ di tản

STT	Kịch bản	Xe máy (Chiếc)	Ôtô 15 chỗ (Chiếc)
1	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,50%	1112	148
2	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ kiểm tra tần suất 0,50%	1597	213
3	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống vỡ đập ngày nắng	230	31

STT	Kịch bản	Xe máy (Chiếc)	Ôtô 15 chỗ (Chiếc)
4	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả lũ thiết kế tần suất 1,5% + Vỡ đập	2326	310
5	Kịch bản ứng phó và vận hành hồ chứa trong tình huống xả kiểm tra tần suất 0,5% + Vỡ đập	2854	380

Bảng PL IV.3: Dự phòng vật tư, vật liệu, dụng cụ lao động, thiết bị xe máy (Công ty TNHH Một thành viên Thủy lợi Đồng Nai chủ trì)

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
I	Vật tư, vật liệu		
1	Tấm bạt nhựa	Tấm	600
2	Bao tải	cái	5000
3	Đất dự trữ	m ³	12.000→18.000
4	Đá hộc	m ³	1.500→3.000
5	Rọ thép	Rọ	1500
6	Thép 03 ly	kg	1000
7	Đèn pin sạc	Cái	15
II	Dụng cụ lao động		
1	Cuốc bàn	Cái	60
2	Xẻng	Cái	90
3	Xe rùa	Chiếc	60
4	Loa phát thanh	Cái	6
5	Áo phao cứu sinh	Cái	120
6	Rựa	Cái	30
III	Thiết bị xe máy		
1	Máy đào 1,2m ³	Chiếc	15
2	Ô tô tự đổ 15 tấn	Chiếc	30
3	Ca nô	Chiếc	6
4	Xuồng máy	Chiếc	6

Bảng PL IV.4: Lực lượng dự kiến huy động trên địa bàn

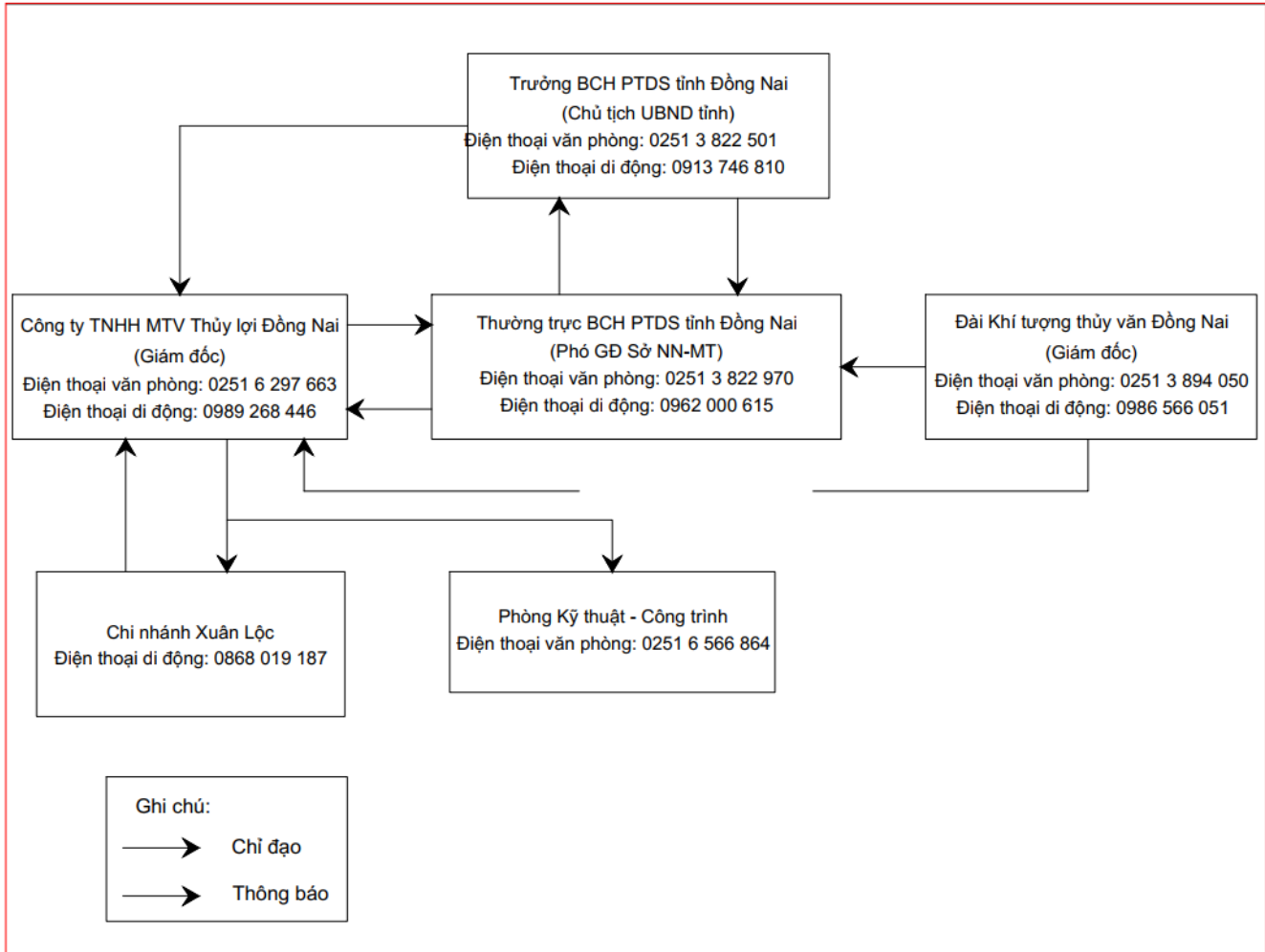
STT	Lực lượng	Tỉnh Đồng Nai	Xã Xuân Lộc	Xã Xuân Hòa	Xã Xuân Phú	Xã Xuân Đông	Xã Sông Ray	Tổng cộng
1	Quân đội	25						25
2	Công an	5	8	7	10	9	7	46
3	Y tế		5	4	6	5	4	24
4	Thanh niên tình nguyên		36	32	44	40	32	184
5	Hội chữ thập đỏ		6	6	8	7	6	33
6	Dân quân tự vệ		27	24	33	30	24	138
7	Hội phụ nữ		14	12	17	15	12	70
8	Lực lượng xung kích		27	24	33	30	24	138
9	Lực lượng khác		45	41	55	50	41	232
	Tổng cộng	30	168	150	206	186	150	890

Phụ lục V

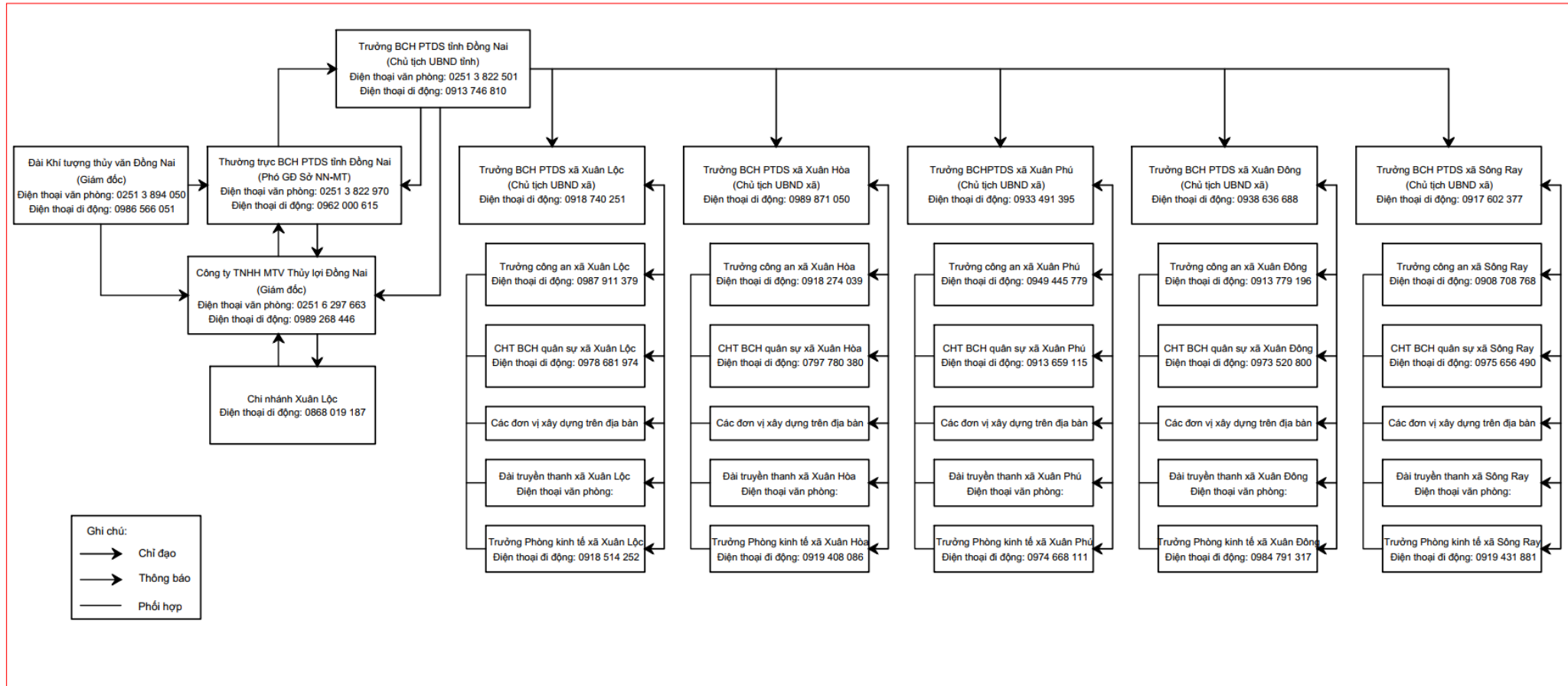
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNNMT ngày tháng năm 2026 của
Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai)

SƠ ĐỒ BÁO CÁO ĐỐI VỚI CÁC MỨC BÃO ĐỘNG

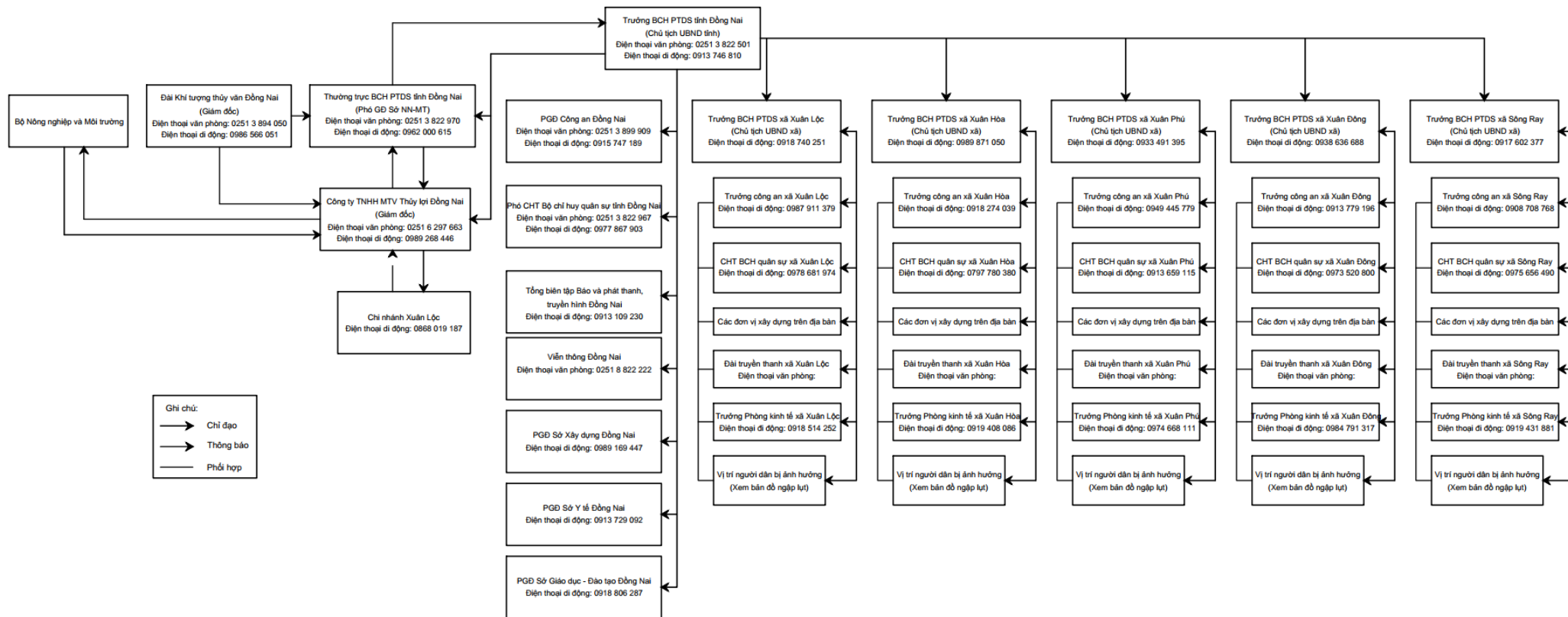
Sơ đồ 5.1: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 1 (Đề phòng)



Sơ đồ 5.2: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 2 (Sẵn sàng)



Sơ đồ 5.3: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 3 (hành động khẩn cấp)



Sơ đồ 5.4: Sơ đồ báo cáo đối với mức báo động số 4 (vỡ đập hoặc lũ lớn và phương án di tản)

